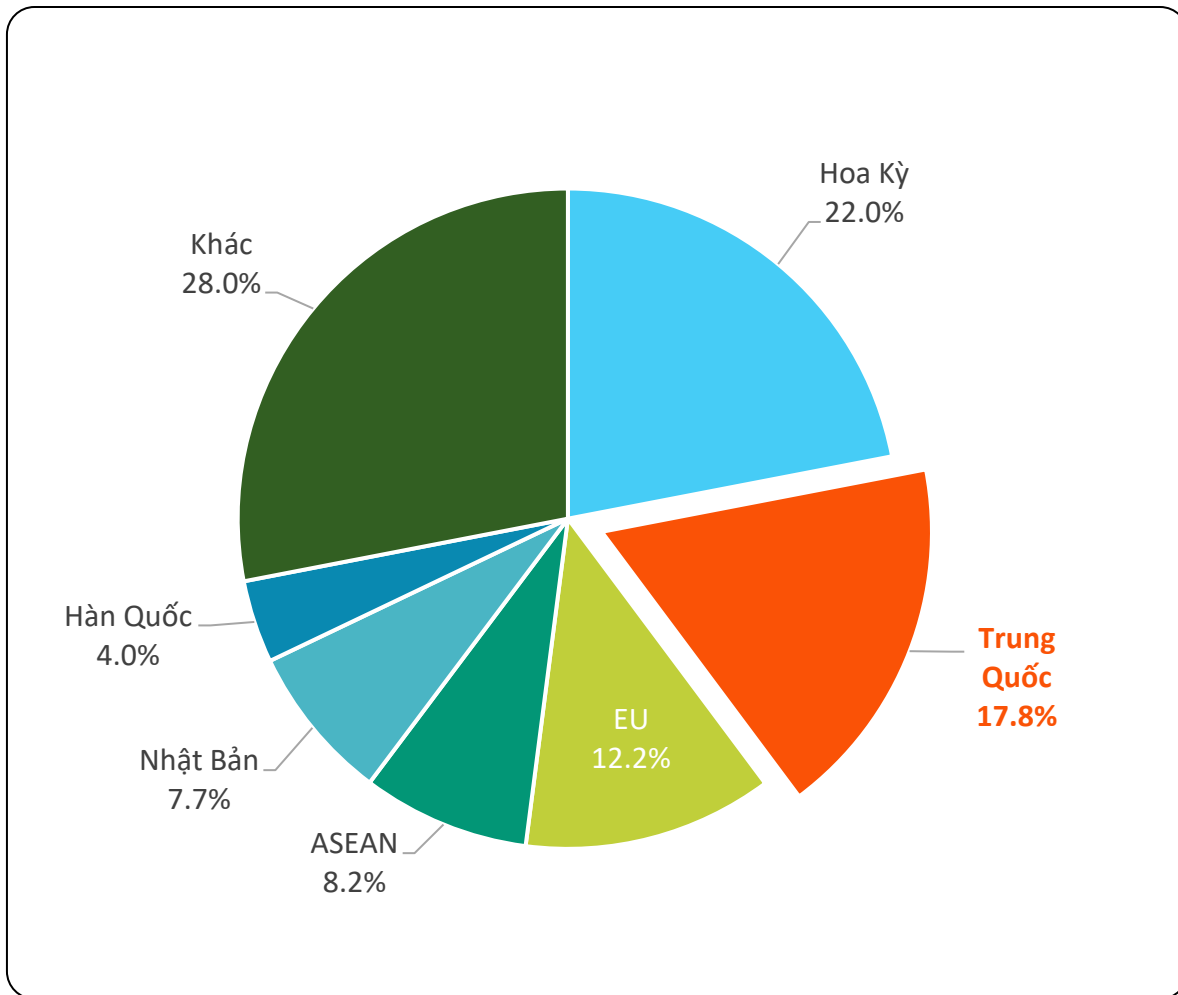


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc, T1/2025

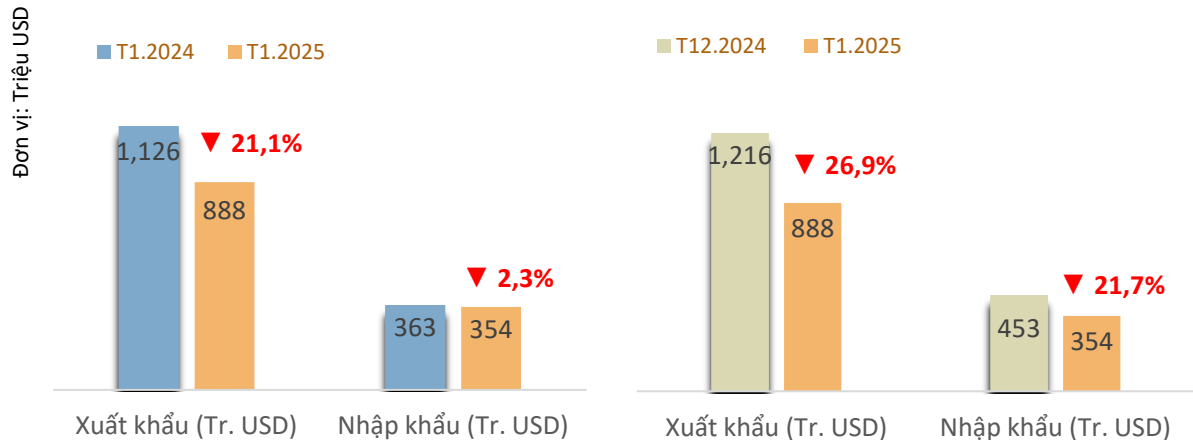


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc, T1/2025 so với T12/2024 và T1/2024

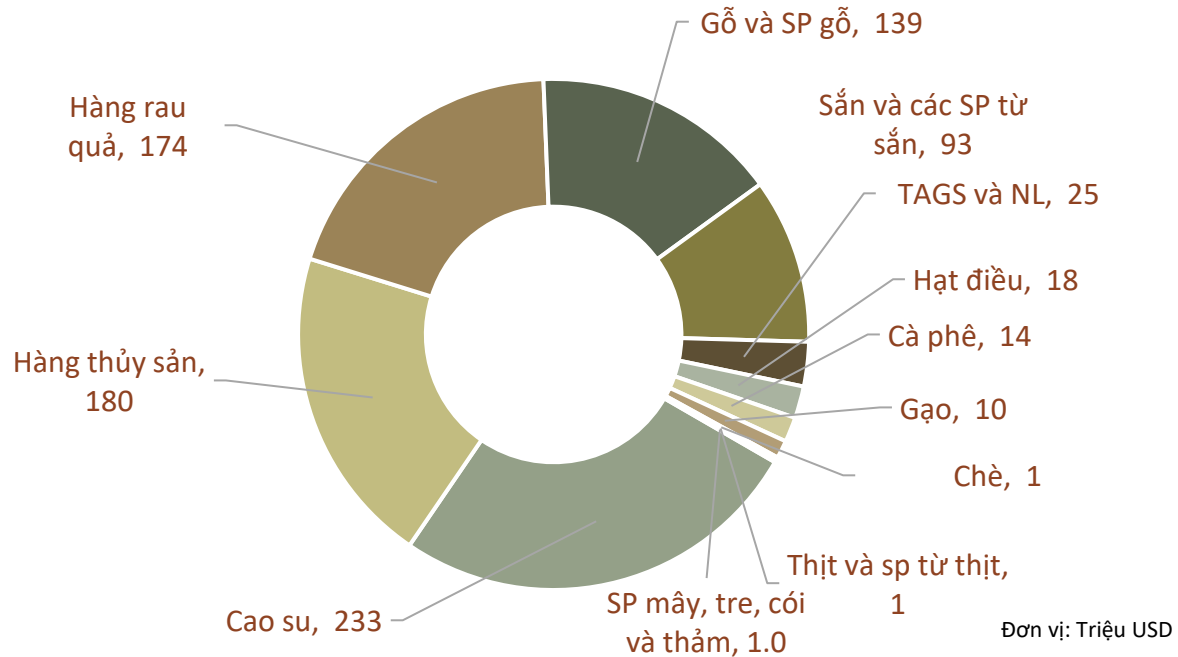
Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T12/2024	So với T1/2024
Hoa Kỳ	1.093,94	▼ 0,4%	▲ 0,5%
Trung Quốc	887,75	▼ 3,3%	▼ 3,2%
EU	609,58	▲ 2,4%	▲ 2,3%
ASEAN	408,65	▼ 1,3%	▼ 1,7%
Nhật Bản	381,24	▲ 0,9%	▲ 0,5%
Hàn Quốc	201,62	▲ 0,2%	▲ 0,2%
Tổng XK NLTS cả nước	4.978,74		

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 1/2025

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T1/2025



Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T1/2025

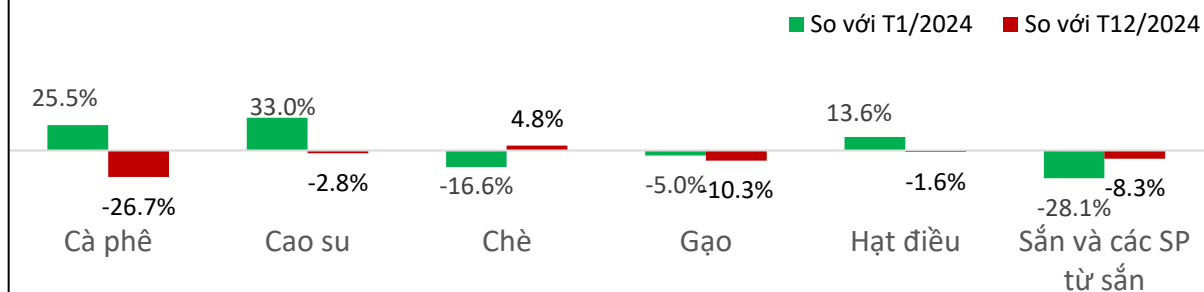


Biến động giá trị XK NLTS chính

sang thị trường Trung Quốc T1/2025 so với T12/2024



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T1/2025 so với T1/2024 và T12/2024



Thách thức mới của nền kinh tế Trung Quốc

Chiến lược “Made in China 2025” (MIC2025) được đặt lên hàng đầu trong chương trình nghị sự kinh tế và là một phần trong gói kế hoạch của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình nhằm tạo ra mô hình kinh tế bền vững.

MIC2025 chú trọng nâng cấp khả năng sản xuất và đảm bảo tính cạnh tranh của Trung Quốc bằng cách áp dụng công nghệ

hiện đại như sử dụng người máy, mạng di động thế hệ thứ 5 (5G), trí tuệ nhân tạo (AI) và mạng Internet.

Tuy nhiên, kế hoạch này đang gặp không ít thách thức, nhất là trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đang kéo dài.

Trên thực tế, đầu tư cho nghiên cứu phát triển của Trung Quốc không chênh lệch nhiều so với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, thực lực công nghệ của Hoa Kỳ vẫn có ưu thế đứng

đầu rõ rệt. Với sự đầu tư liên tục của Trung Quốc, địa vị số một của Hoa Kỳ trong các lĩnh vực có thể bị thu hẹp. Do đó, trong khoảng thời gian 10 năm tới, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc có thể ngang bằng với Hoa Kỳ.



Nguồn: Trungtamwto.vn

Sản xuất của Trung Quốc khởi sắc trong tháng 2

Theo Tổng cục Thống kê Trung Quốc (NBS), chỉ số nhà quản lý mua hàng (PMI) chính thức đã tăng lên 50,2 vào tháng 2 từ mức 49,1 của tháng trước, mức cao nhất kể từ tháng 11/2024. Chỉ số PMI phi sản xuất, bao gồm dịch vụ và xây dựng, tăng lên 50,4 từ mức 50,2 của tháng 1/2025.

Ngân hàng Nomura đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc lên 4,5% từ 4% trên cơ sở một loạt tín hiệu tích cực về sự phục hồi kinh tế. Nomura cũng nhấn mạnh những

thách thức đang đợi kinh tế Trung Quốc ở phía trước.

Giới quan sát dự báo mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2025 mà Bắc Kinh công bố trong kỳ họp Quốc hội sắp diễn ra có thể duy trì ở mức “khoảng 5%” đề ra cho năm ngoái. Tuy nhiên, với những thách thức hiện nay, đây có thể sẽ là một mục tiêu tham vọng, đòi hỏi có thêm nhiều sự hỗ trợ từ chính sách để đạt được.



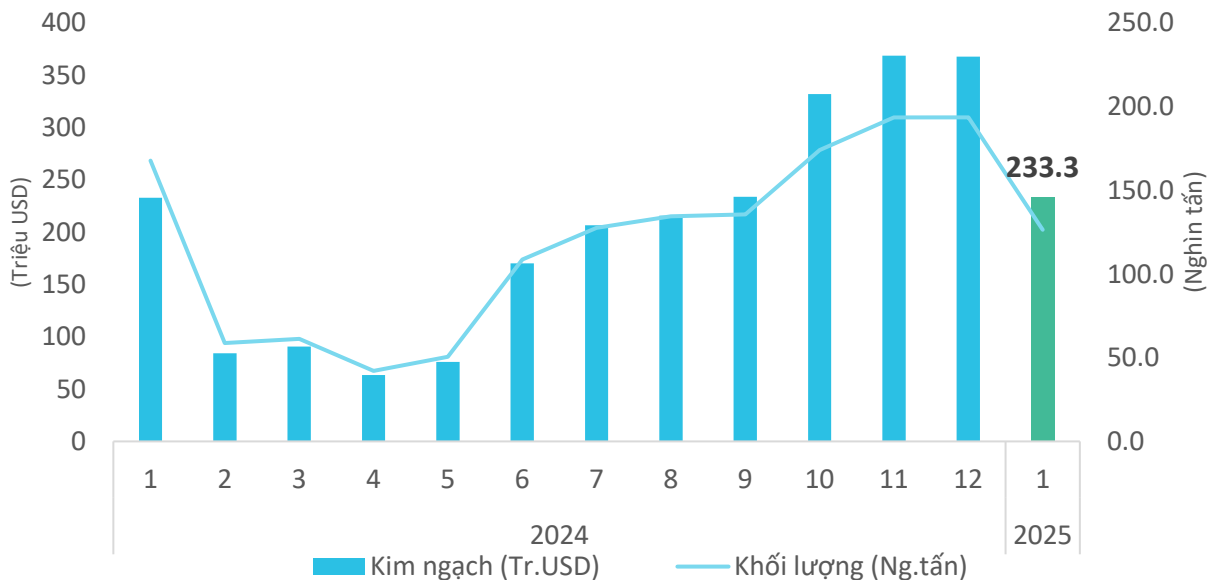
Nguồn: Kinhthetrunguoc.vn





CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T01/2025

KIM NGẠCH

233,3 triệu USD

↘ Giảm **36,6%** so với T12/2024

↗ Tăng **0,1%** so với T01/2024

↗ Cao hơn **29,8** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **233,3** triệu USD, đạt **9,6%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

126,4 nghìn tấn

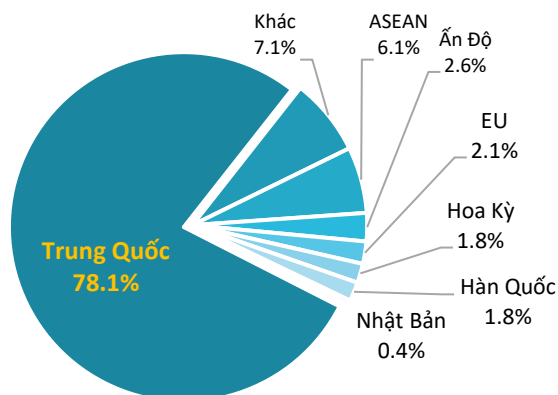
↘ Giảm **34,7%** so với T12/2024

↘ Giảm **24,7%** so với T01/2024

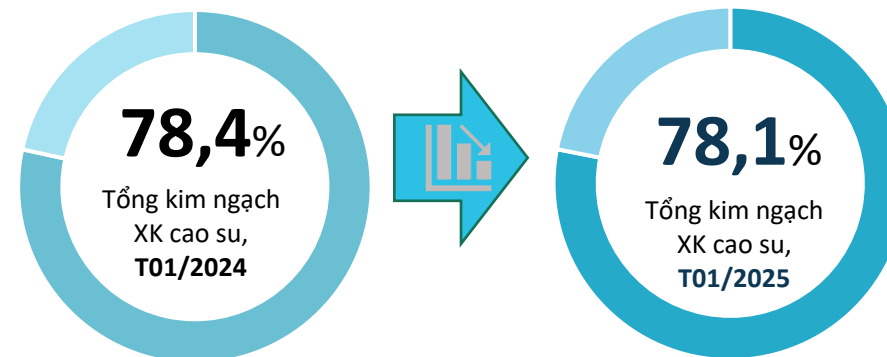
↗ Cao hơn **5,7** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **126** nghìn tấn, đạt **8,7%** khối lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



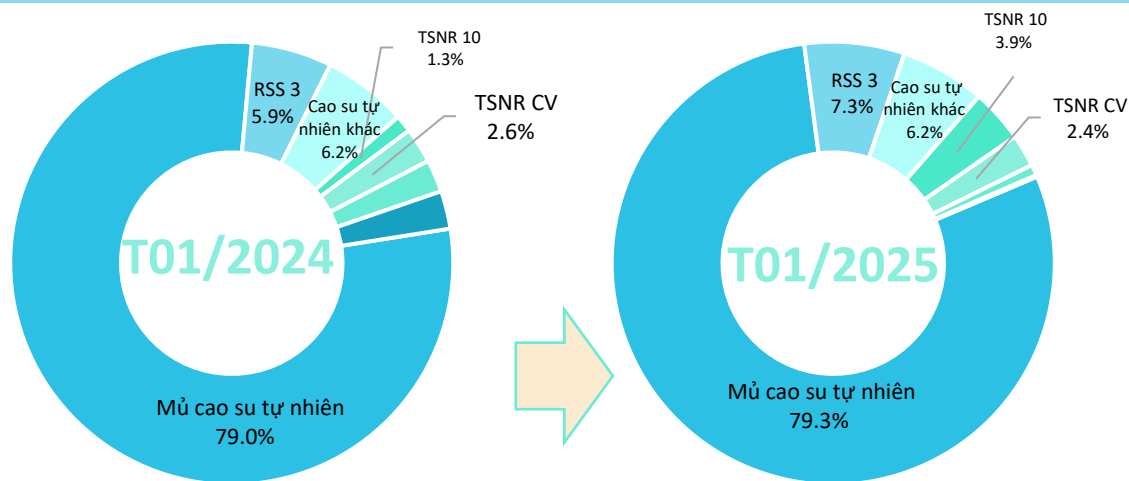
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T01/2025





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **185** triệu USD
Giảm **30,5%** so với T12/2024
Tăng **0,6%** so với T01/2024



RSS 3

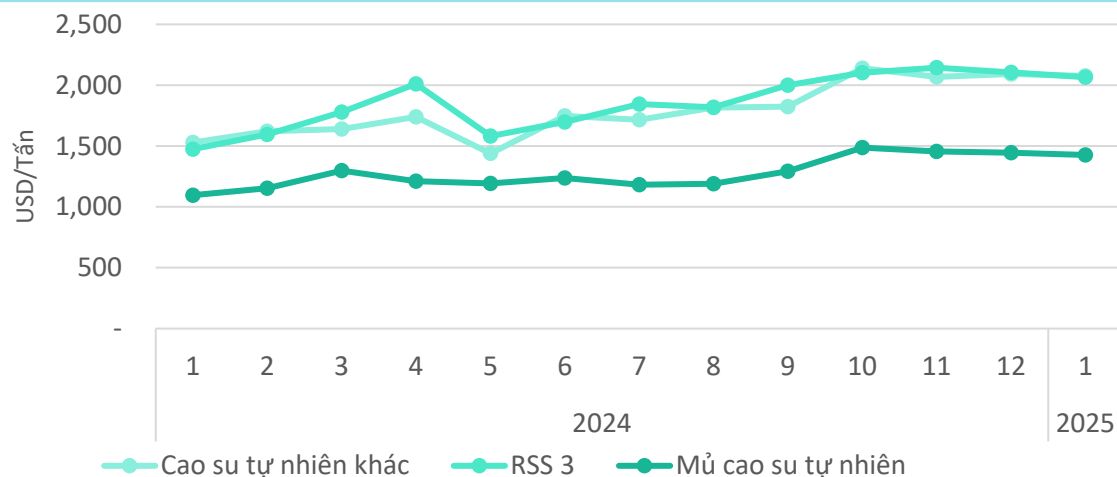
Kim ngạch: **17,1** triệu USD
Giảm **53%** so với T12/2024
Tăng **24,5%** so với T01/2024



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **14,5** triệu USD
Giảm **67%** so với T12/2024
Tăng **0,8%** so với T01/2024

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **1.426 USD/tấn**; giảm **1,3%** so với tháng trước; và tăng **31%** so với cùng kỳ năm 2024.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **2.066 USD/tấn**; giảm **1,9%** so với tháng trước; và tăng **40%** so với cùng kỳ năm 2024.

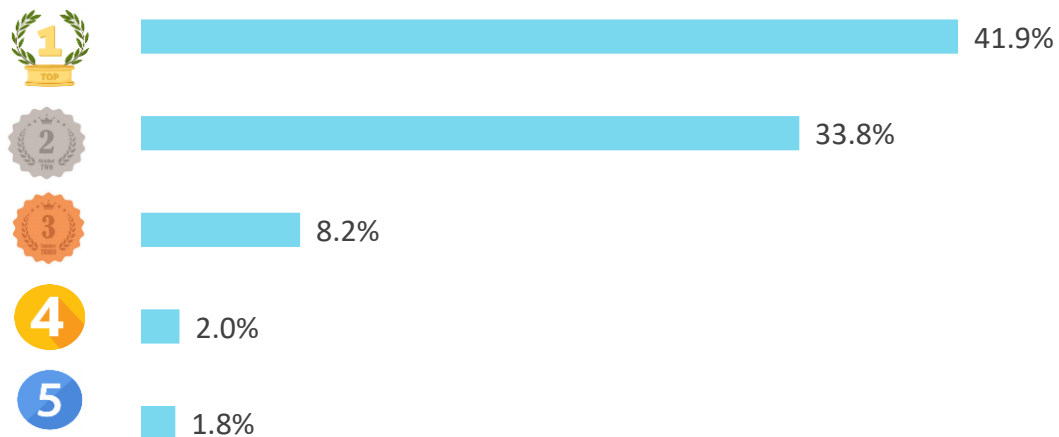
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **2.077 USD/tấn**; giảm **0,7%** so với tháng trước; và tăng **34%** so với cùng kỳ năm 2024.

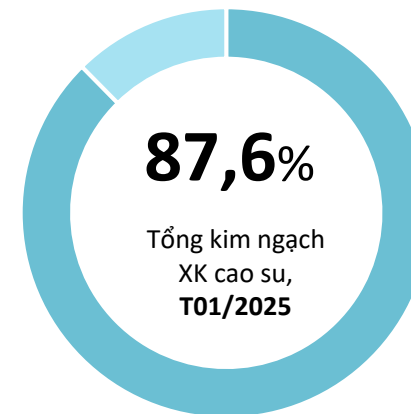


CAO SU

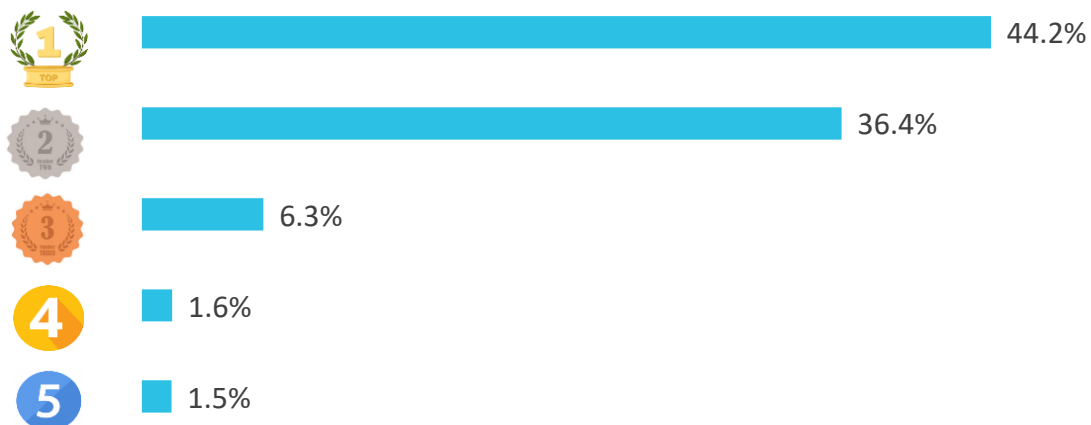
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



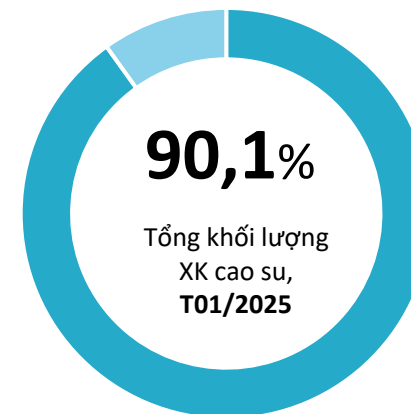
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025





❖ Biến động thị trường cao su thiên nhiên đầu năm 2025

Thị trường cao su toàn cầu đang trải qua giai đoạn tái cấu trúc và chuyển đổi mạnh mẽ với xu hướng sản lượng giảm, giá tăng và cạnh tranh khu vực gay gắt. Mặc dù các nước sản xuất lớn truyền thống ở Đông Nam Á (Thái Lan, Indonesia và Việt Nam) vẫn chiếm ưu thế nhưng sự trỗi dậy của Bờ Biển Ngà, nhu cầu tiêu thụ của Trung Quốc giảm và biến động giá đang thúc đẩy quá trình điều chỉnh chuỗi cung ứng.

Các nước Đông Nam Á đang đẩy mạnh công nghệ và sản phẩm giá trị cao như lốp xe, giảm dần xuất khẩu nguyên liệu thô. Các nước châu Phi tận dụng lợi thế tài nguyên và lao động, trở thành nguồn cung cao su thiên nhiên thô quan trọng của thế giới. Trung Quốc đẩy mạnh sản xuất trong nước để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu.

Chi phí vận chuyển tăng do khủng hoảng Biển Đỏ giúp Tây Phi có lợi thế cạnh tranh.

Hoa Kỳ điều tra chống bán phá giá lốp xe Đông Nam Á có thể ảnh hưởng đến nhu cầu cao su.

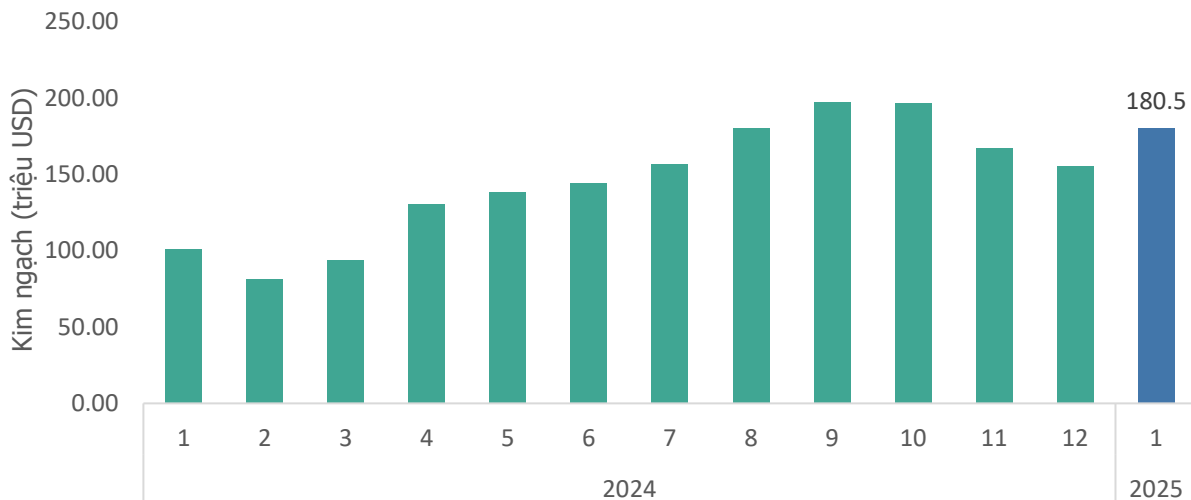


Tin liên quan



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T1/2025

KIM NGẠCH

180,5 triệu USD



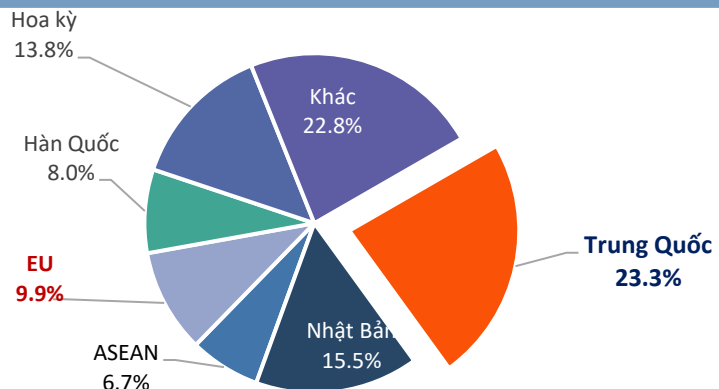
➔ Tăng **16,0%** so với T12/2024

➔ Tăng **78,9%** so với T1/2024

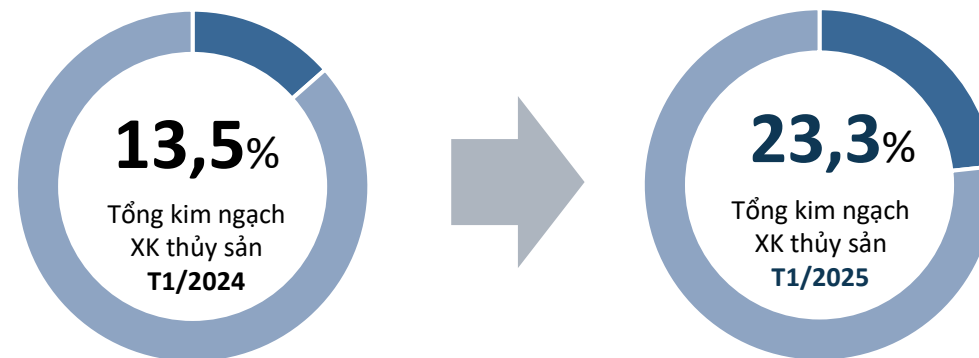
▲ Cao hơn **35,2** triệu USD so với bình quân năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **180,5** triệu USD, Đạt **10,4%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



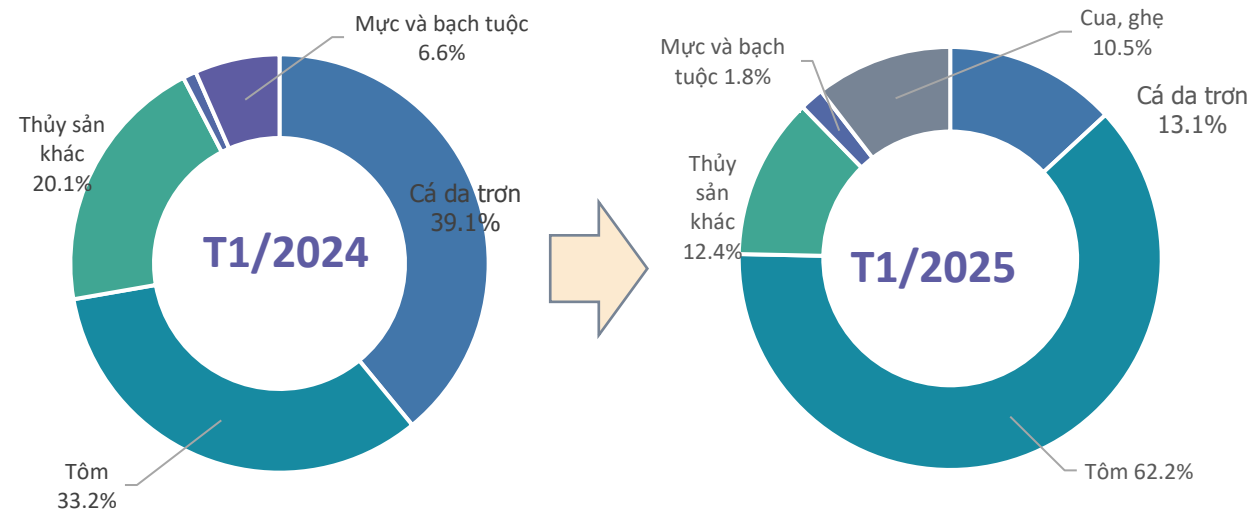
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T1/2025





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Cá da trơn

Kim ngạch: **23,7** Triệu USD
 Giảm **41,3%** so với T12/2024
 Giảm **39,9%** so với T1/2024



Tôm

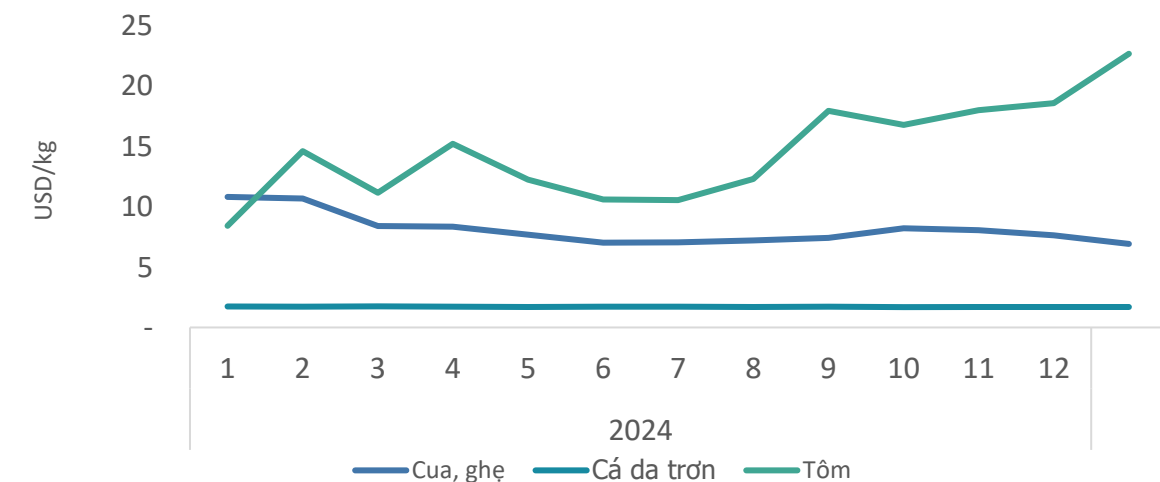
Kim ngạch: **112,3** Triệu USD
 Tăng **51,4%** so với T12/2024
 Tăng **235,1%** so với T1/2024



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **18,9** Triệu USD
 Tăng **82,6%** so với T12/2024
 Tăng **1706,4%** so với T1/2024

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2025 ở mức **6,9** USD/kg; giảm **9,4%** so với tháng trước; và giảm **36,0%** so với cùng kỳ năm 2024.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2025 ở mức **1,7** USD/kg; giảm **1,4%** so với tháng trước; và giảm **2,2%** so với cùng kỳ năm 2024.

Tôm

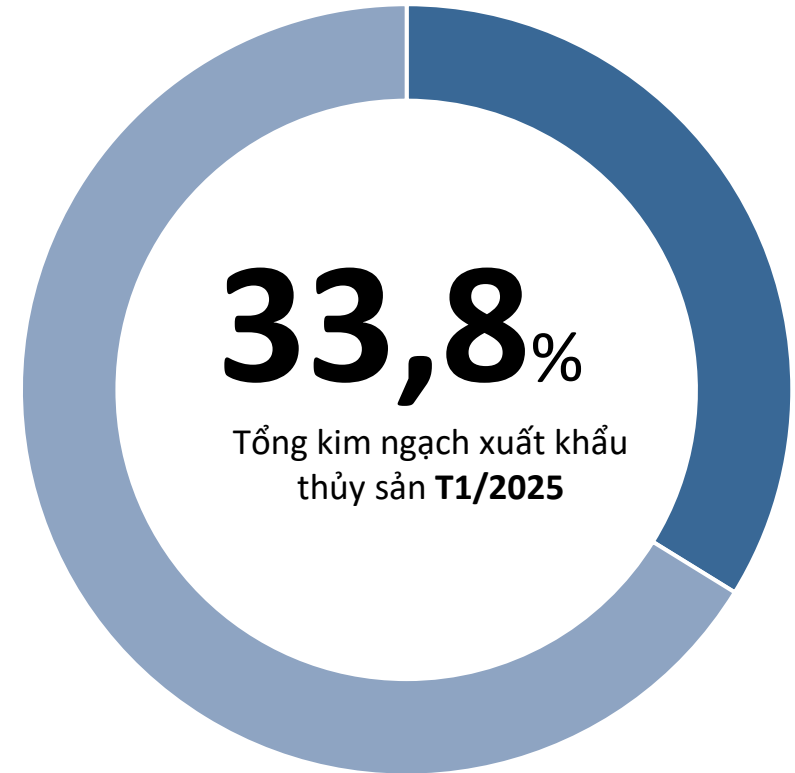
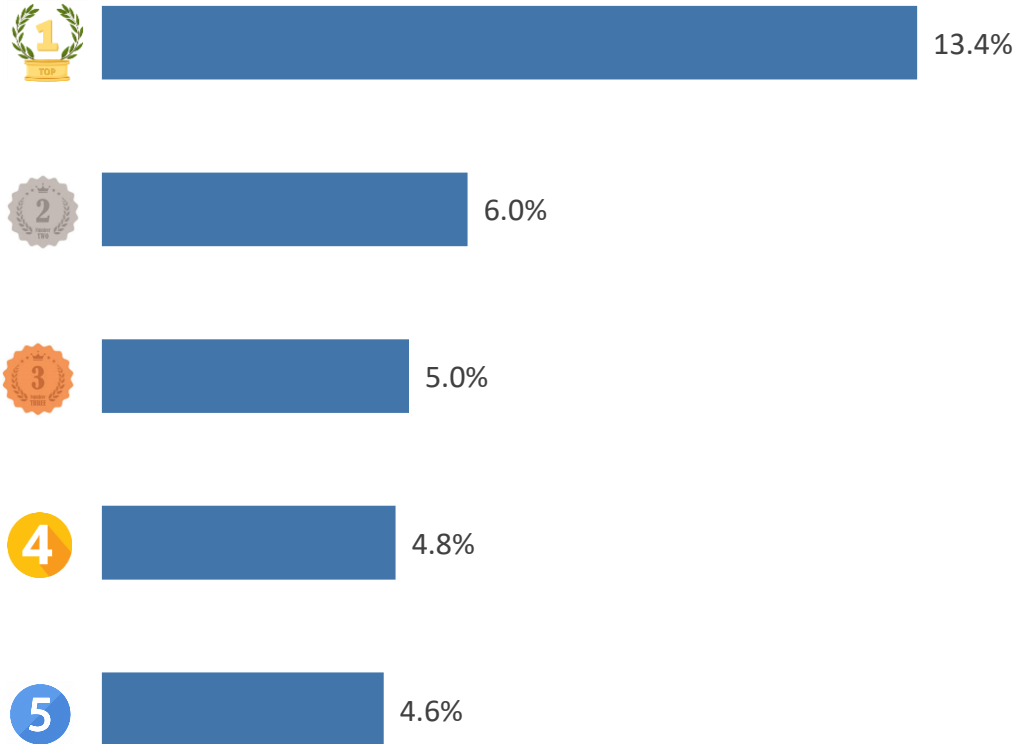
Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2025 ở mức **22,7** USD/kg; tăng **21,9%** so với tháng trước; và tăng **169,3%** so với cùng kỳ năm 2024. (giá TB cao do tôm hùm chiếm tỉ lệ lớn)



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T1/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Thương mại thủy sản của Trung Quốc năm 2024

Năm 2024, Trung Quốc đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản giá trị cao, giúp thặng dư thương mại tăng lên 1,3 tỷ USD, trong khi tiêu thụ nội địa và nhập khẩu suy yếu. Xuất khẩu thủy sản đạt 19,5 tỷ USD, tăng nhẹ 0,5% so với năm trước, nhưng sản lượng xuất khẩu tăng đáng kể 12,4% lên 4,08 triệu tấn. Các sản phẩm chế biến như cá rô phi tẩm gia vị và mực đông lạnh đóng góp lớn vào tăng trưởng, trong đó xuất khẩu cá rô phi tăng 19% về giá trị và 10% về sản lượng, nhờ lợi thế giá cả tại các thị trường phương Tây.

Trong khi đó, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc giảm 5,2% xuống còn 18,2 tỷ USD, với sản lượng nhập khẩu giảm 3,6% xuống 4,5 triệu tấn. Nhu cầu nội địa suy yếu là nguyên nhân chính dẫn đến xu hướng này, dù một số mặt hàng cao cấp như cua sống và tôm hùm đá vẫn ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể, lần lượt tăng 13% và 39% về giá trị. Tuy nhiên, giá nhập khẩu trung bình của các sản phẩm này lại giảm, phản ánh sức mua của nhóm tiêu dùng cao cấp còn yếu.

Thị trường tôm tại Trung Quốc đối mặt với nhiều khó khăn. Lượng nhập khẩu tôm đông lạnh giảm 7% và giá trị nhập khẩu giảm 15% xuống còn 4,45 tỷ đô la. Điều này cho thấy nhu cầu trong nước yếu và lượng hàng tồn kho ở mức cao.

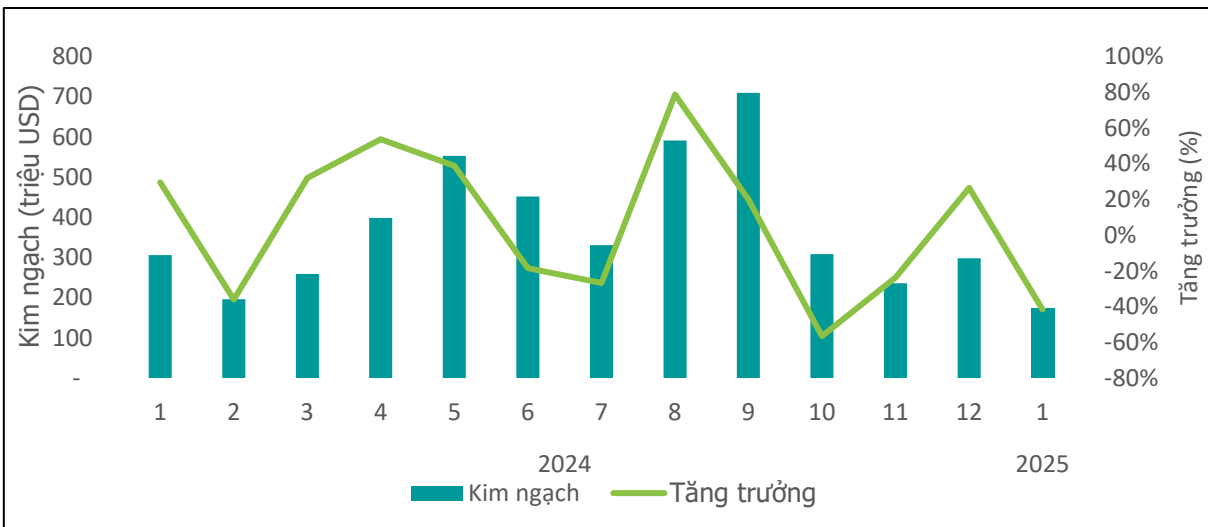
Nguồn: Ocean Treasure (T2/2025)





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T1/2025

KIM NGẠCH



174,1

triệu USD

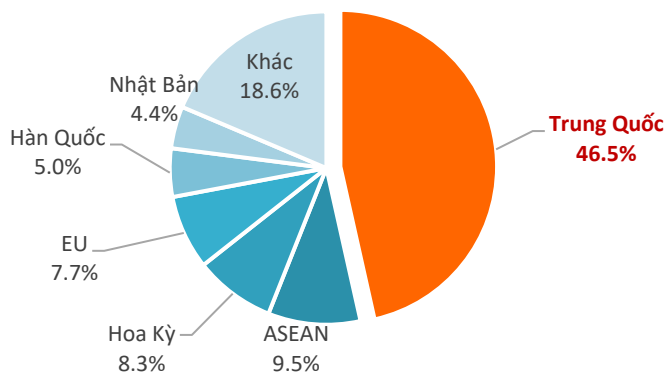
Giảm **41,6%** so với T12/2024

Giảm **43,1%** so với T1/2024

Thấp hơn **211,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

Tháng 1 năm 2025 đạt **174,1** triệu USD, đạt **3,8%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T1/2025



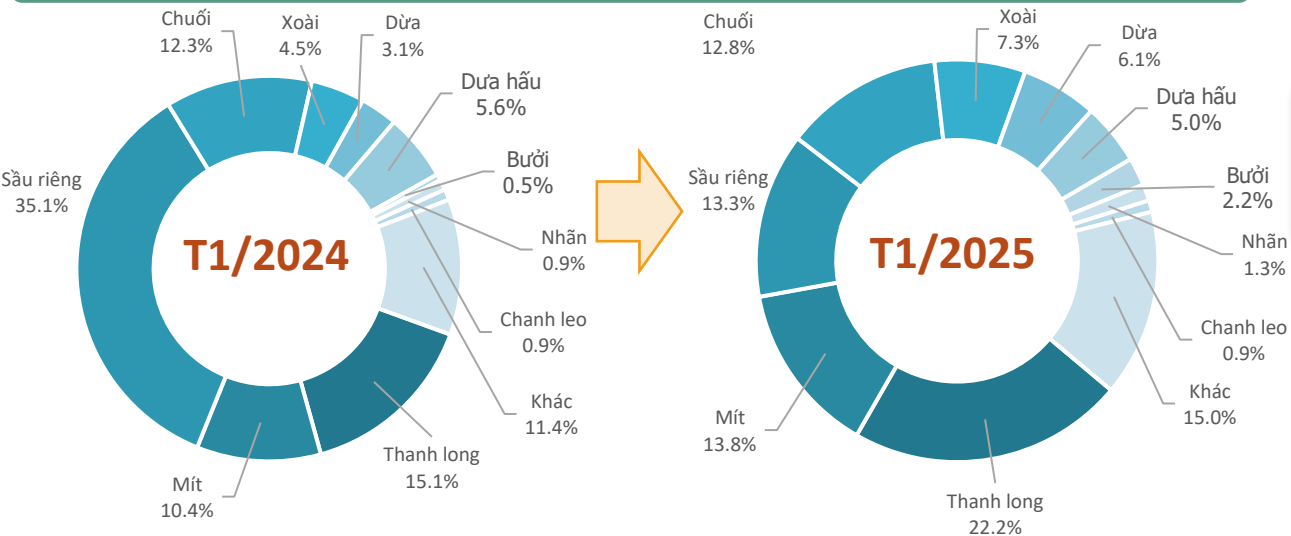
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T1/2025





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T1/2025



Thanh long

Kim ngạch: **38,7** triệu USD
 Tăng **55,7%** so với T12/2024
 Giảm **16,5%** so với T1/2024



Mít

Kim ngạch: **24,1** triệu USD
 Giảm **54,5%** so với T12/2024
 Giảm **24,6%** so với T1/2024



Sầu riêng

Kim ngạch: **23,1** triệu USD
 Giảm **67,6%** so với T12/2024
 Giảm **78,5%** so với T1/2024



Chuối

Kim ngạch: **22,2** triệu USD
 Giảm **10,1%** so với T12/2024
 Giảm **41,1%** so với T1/2024



Xoài

Kim ngạch: **12,7** triệu USD
 Tăng **42,9%** so với T12/2024
 Giảm **8,0%** so với T1/2024



Dừa

Kim ngạch: **10,7** triệu USD
 Giảm **12,5%** so với T12/2024
 Tăng **11,0%** so với T1/2024



Dừa hấu

Kim ngạch: **8,6** triệu USD
 Giảm **70,6%** so với T12/2024
 Giảm **50,0%** so với T1/2024



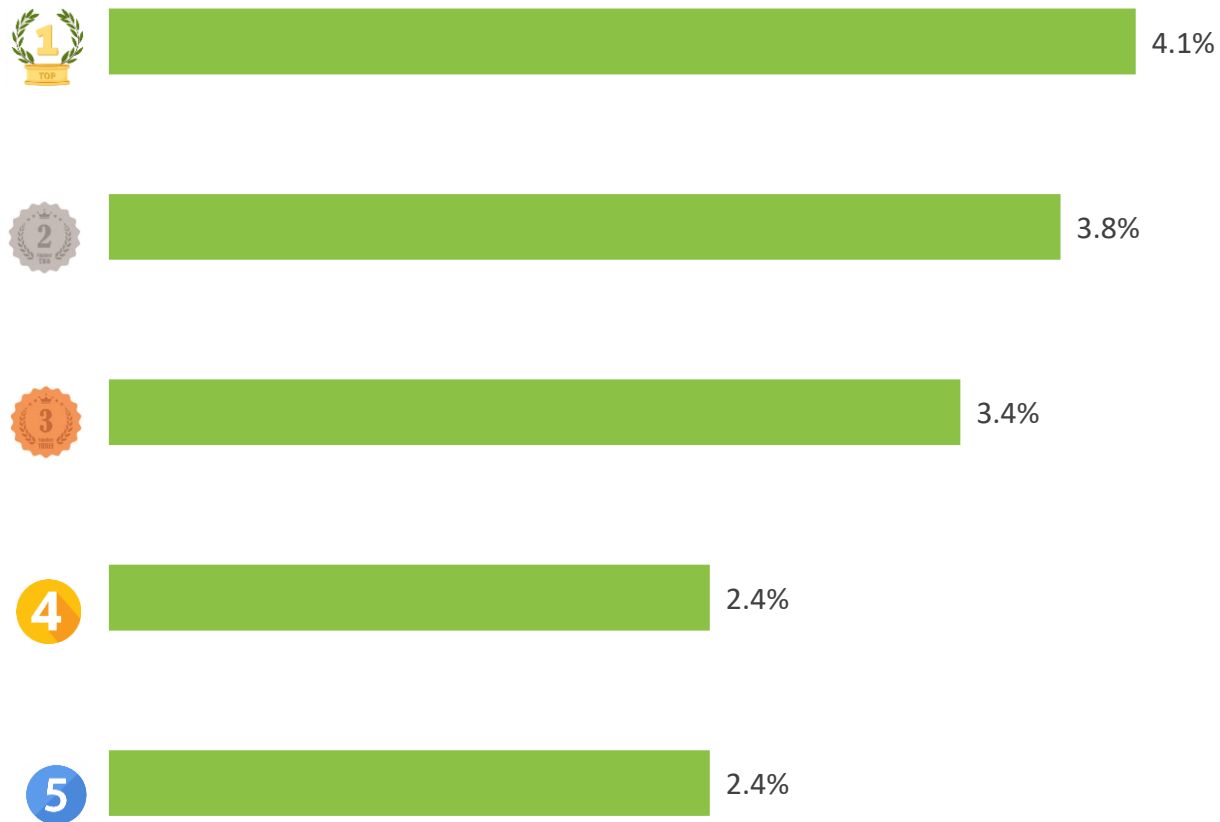
Bưởi

Kim ngạch: **3,9** triệu USD
 Tăng **24,4%** so với T12/2024
 Tăng **138,8%** so với T1/2024

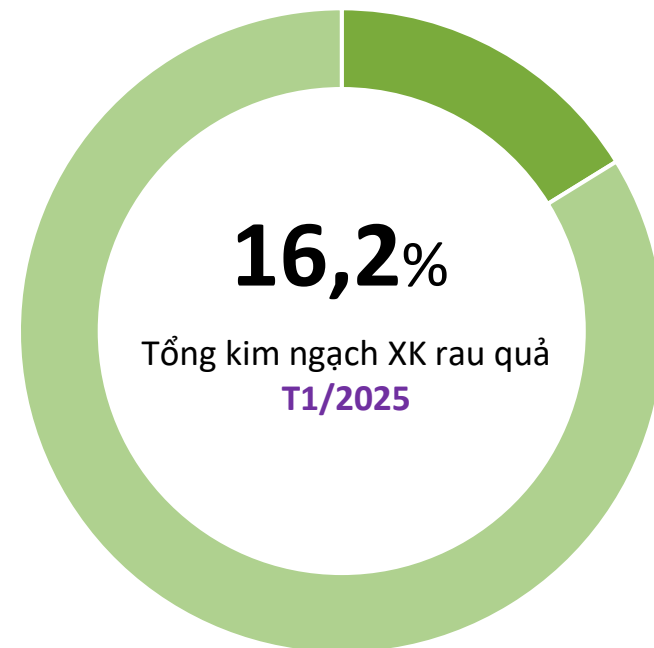


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang Trung Quốc, T1/2025



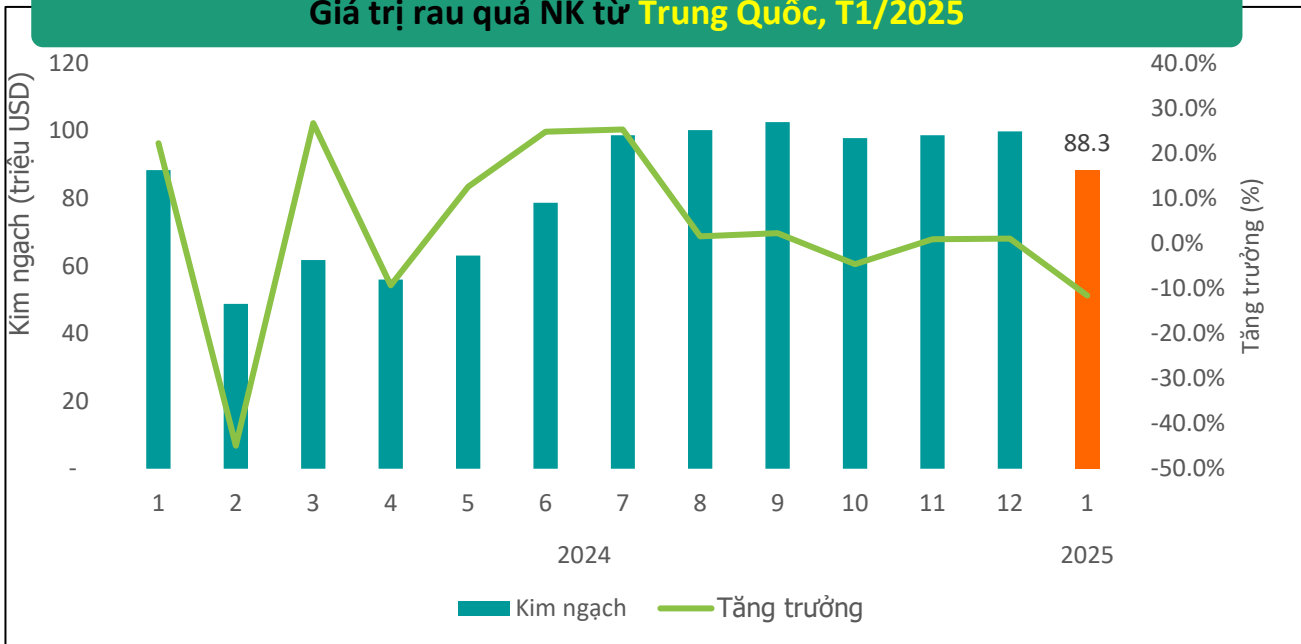
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang Trung Quốc, T1/2025





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T1/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T1/2025

KIM NGẠCH



88,3

triệu USD

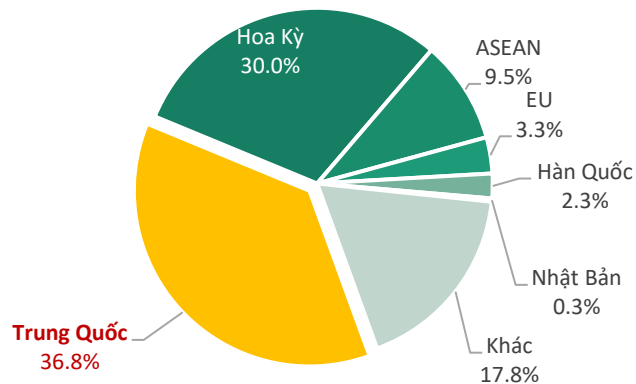
Giảm **11,6%** so với T12/2024

Giảm **0,1%** so với T1/2024

Cao hơn **5,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

Tháng 1 năm 2025 đạt **88,3** triệu USD, đạt **8,9%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T1/2025



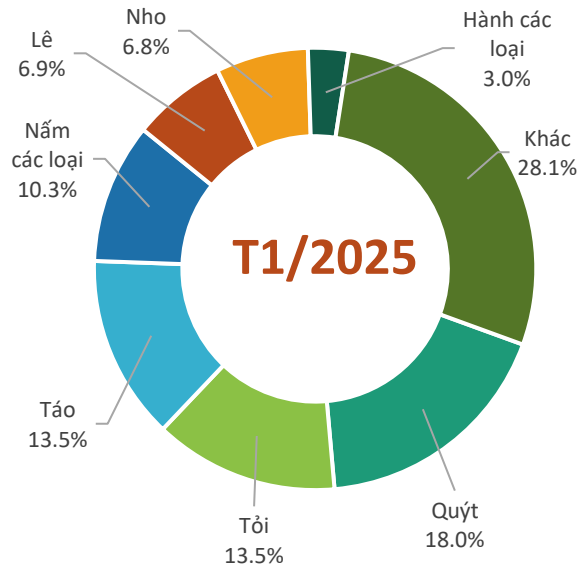
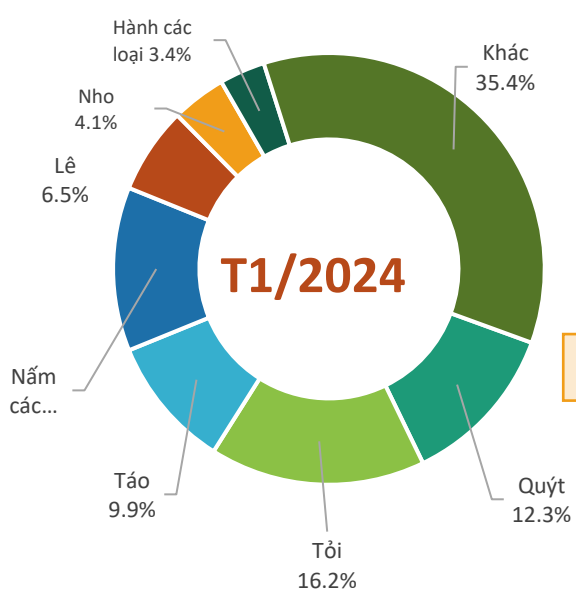
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T1/2025





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T1/2025



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T1/2025



Quýt

Kim ngạch: **15,9** triệu USD
 Tăng **69,0%** so với T12/2024
 Tăng **46,9%** so với T1/2024



Tỏi

Kim ngạch: **11,9** triệu USD
 Tăng **7,6%** so với T12/2024
 Giảm **16,6%** so với T1/2024



Táo

Kim ngạch: **11,9** triệu USD
 Giảm **11,1%** so với T12/2024
 Tăng **36,3%** so với T1/2024



Nấm các loại

Kim ngạch: **9,1** triệu USD
 Giảm **7,6%** so với T12/2024
 Giảm **16,6%** so với T1/2024



Lê

Kim ngạch: **6,1** triệu USD
 Tăng **50,7%** so với T12/2024
 Tăng **6,2%** so với T1/2024



Nho

Kim ngạch: **6,0** triệu USD
 Giảm **21,9%** so với T12/2024
 Tăng **64,9%** so với T1/2024



Hành các loại

Kim ngạch: **2,6** triệu USD
 Giảm **47,3%** so với T12/2024
 Giảm **13,3%** so với T1/2024



Nhập khẩu chuối của Trung Quốc giảm năm thứ ba liên tiếp

Năm 2024, nhập khẩu chuối của Trung Quốc đạt 1,687 triệu tấn, giảm 4,6% so với năm 2023 và thấp nhất trong bốn năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu là do việc mở rộng trồng chuối trong nước và sự bất ổn của nguồn cung ở nước ngoài. Những tiến bộ trong kỹ thuật canh tác đã giúp một số vùng của Trung Quốc tăng diện tích trồng trọt, thúc đẩy sản xuất trong nước và giảm sự phụ thuộc vào hàng nhập khẩu. Ước tính nhập khẩu chuối của Trung Quốc vào năm 2025 có thể sẽ duy trì ở mức từ 1,6 đến 1,7 triệu tấn, tiếp tục xu hướng giảm.

Nguồn: [Gappingworld.com](https://gappingworld.com)



Tin liên quan

Nhập khẩu anh đào của Trung Quốc tăng 2,3% trong năm 2024

Giá trị nhập khẩu anh đào của Trung Quốc đạt 2,6 tỷ USD trong năm 2024, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc là thị trường lớn nhất của anh đào Chile trong bảy năm qua, nhập khẩu hơn 90% sản lượng anh đào của Chile. Việc Trung Quốc giảm thuế nhập khẩu giúp giá cả cạnh tranh hơn, có lợi cho cả người tiêu dùng trong nước và nhà xuất khẩu.

Nguồn: [Freshplaza.com](https://freshplaza.com)

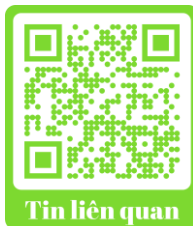


Xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc giảm mạnh

Xuất khẩu rau quả Việt Nam sang Trung Quốc sụt giảm do từ đầu năm 2025, Trung Quốc tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm nhập khẩu. Tất cả lô hàng sầu riêng nhập khẩu vào Trung Quốc đều phải có kết quả phân tích dư lượng Cadimi và chất vàng O, thực hiện tại các phòng thí nghiệm được nước này công nhận. Đây là quy định bắt buộc áp dụng không chỉ với sản phẩm của Việt Nam mà với tất cả các nước.

Việc kiểm tra 100% lô hàng và yêu cầu giấy kiểm định chất vàng O khiến xuất khẩu sầu riêng Việt Nam sang Trung Quốc bị đình trệ, nhiều doanh nghiệp tạm ngưng để chuẩn bị thủ tục đầy đủ.

Nguồn: Dantri.vn

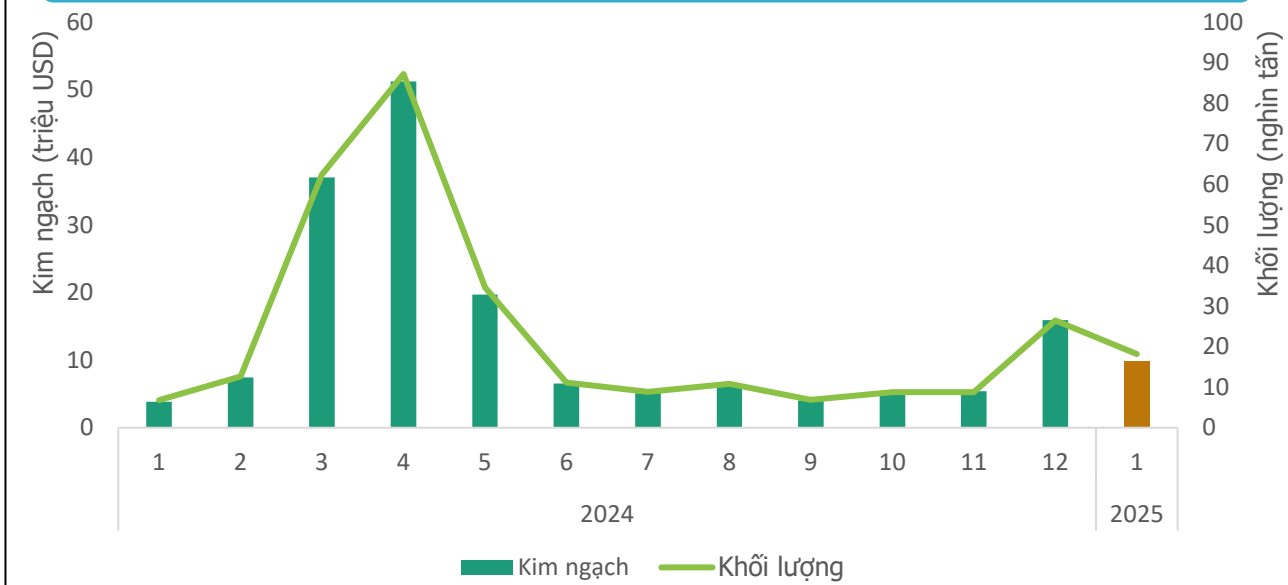


Tin liên quan



LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T1/2025

KIM NGẠCH

9,8 triệu USD



↓ Giảm **38,5%** so với T12/2024

↑ Tăng **153,1%** so với T1/2024

↓ Thấp hơn **4,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 1/2025 đạt **9,8 triệu USD**, đạt **5,8%** kim ngạch 2024

KHỐI LƯỢNG

18,1 nghìn tấn



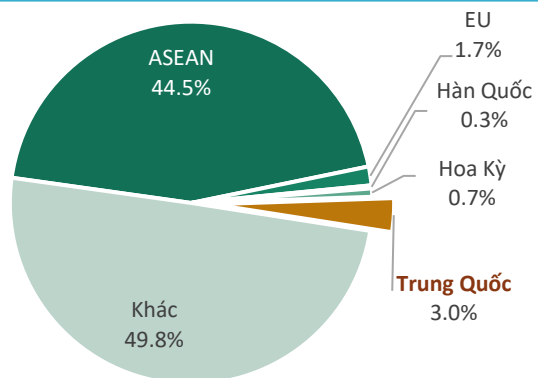
↓ Giảm **31,4%** so với T12/2024

↑ Tăng **166,3%** so với T1/2024

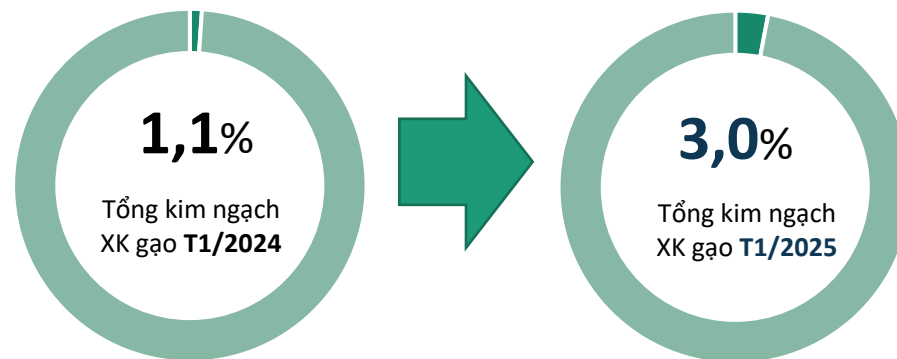
↓ Thấp hơn **5,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 1/2025 đạt **18,1 nghìn tấn**, đạt **6,4%** lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



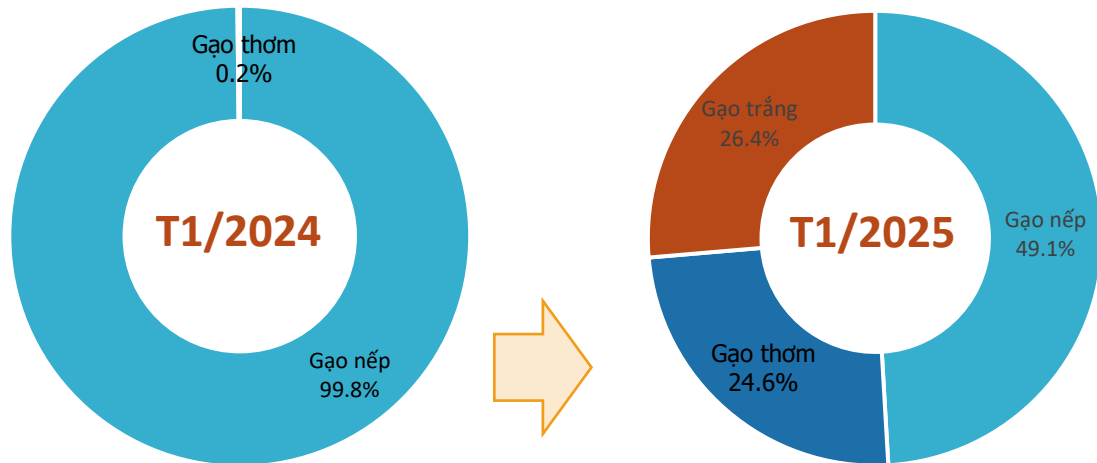
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



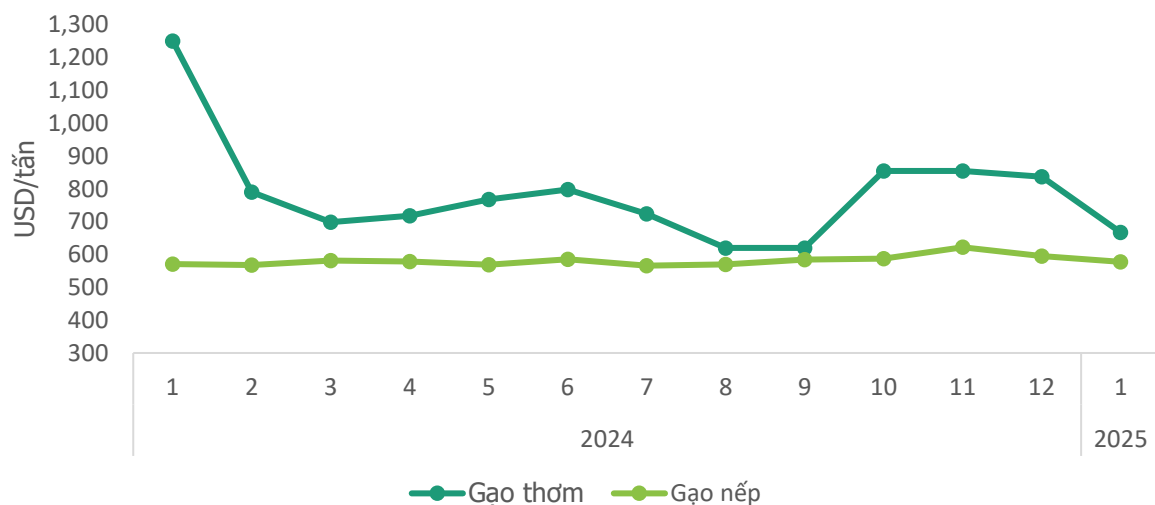


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Gạo nếp

Kim ngạch: **4,8** triệu USD
Giảm **68%** so với T12/2024
Tăng **24%** so với T1/2024



Gạo thơm

Kim ngạch: **2,4** triệu USD
Gấp **2,1** lần so với T12/2024
Gấp **384** lần so với T1/2024



Gạo trắng

Kim ngạch: **2,6** triệu USD
Gấp **31** lần so với T12/2024
Tăng **N/A** so với T1/2024

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2025 ở mức **577** USD/tấn; **giảm 3%** so với tháng trước; và **tăng 1%** so với cùng kỳ năm 2024.

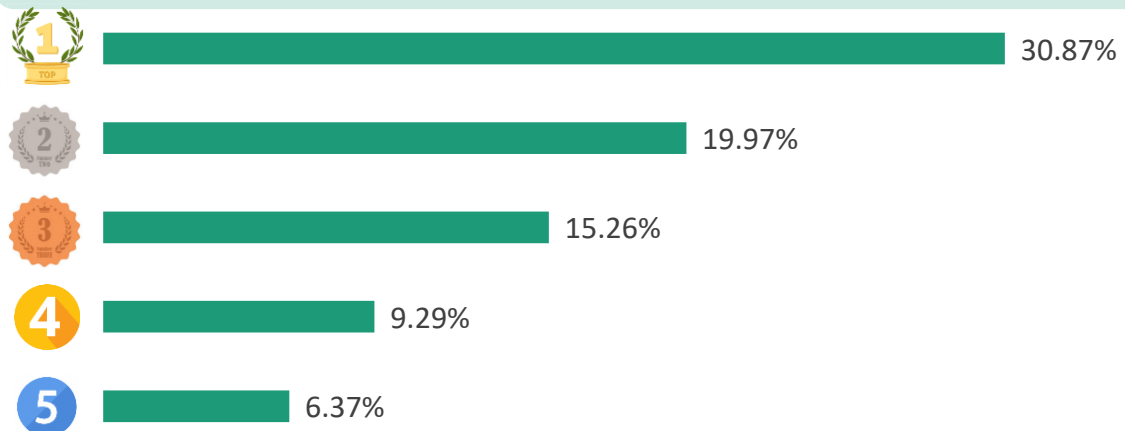
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2025 ở mức **667** USD/tấn; **giảm 20%** so với tháng trước; và **giảm 47%** so với cùng kỳ năm 2024.

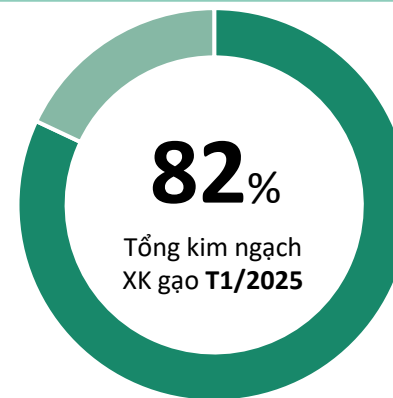


LÚA GẠO

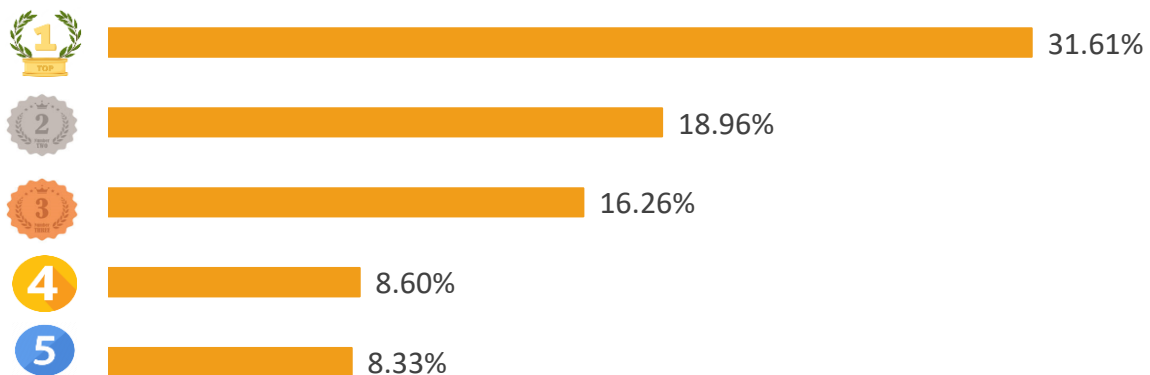
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



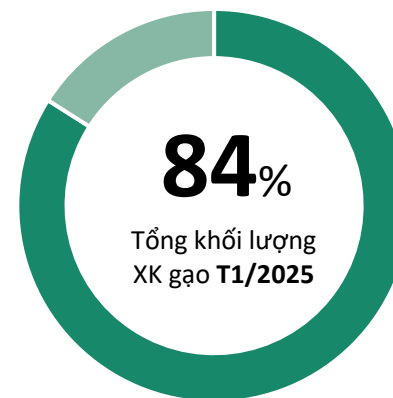
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T1/2025





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC

Theo Báo cáo Triển vọng ngành lúa gạo tháng 2/2025 của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), năm 2024, Trung Quốc chỉ nhập khẩu 1,6 triệu tấn gạo các loại, giảm 1 triệu tấn so với năm trước đó và là mức thấp nhất trong 14 năm qua. Sau khi Ấn Độ mở kho, giá gạo châu Á giảm mạnh và đang thấp hơn giá gạo nội địa của Trung Quốc khoảng 150 - 160 USD/tấn. Điều này sẽ thúc đẩy các nhà nhập khẩu nước này quay lại thị trường. USDA dự báo lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc sẽ đạt khoảng 2,2 triệu tấn trong năm 2025. Các nhà cung cấp chính cho thị trường Trung Quốc là Thái Lan và Việt Nam.

Nguồn: thanhnien.vn

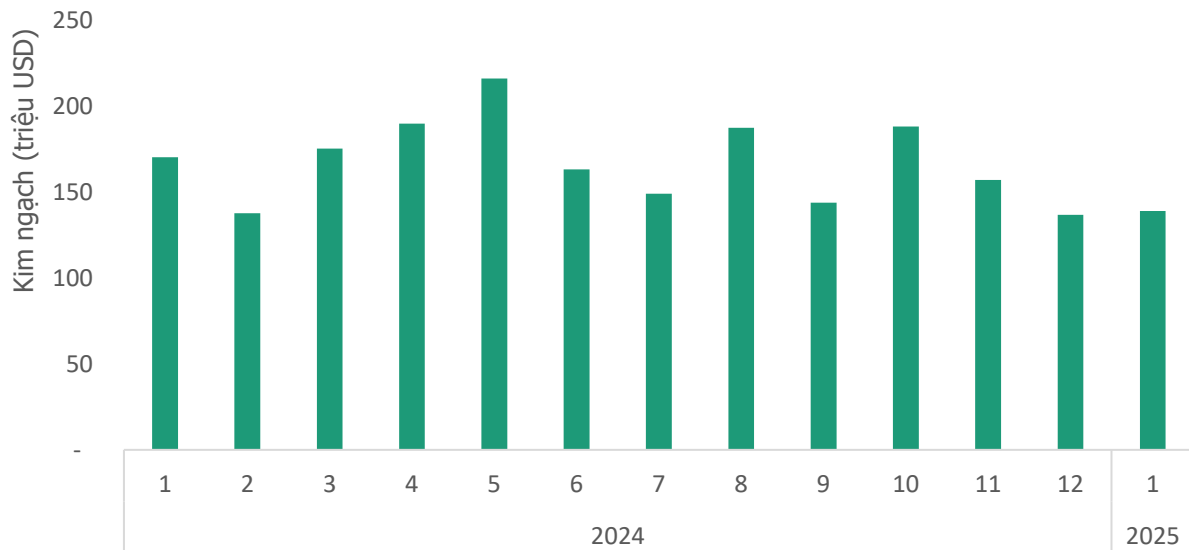


TIN LIÊN QUAN



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T1/2025

KIM NGẠCH



139

triệu USD

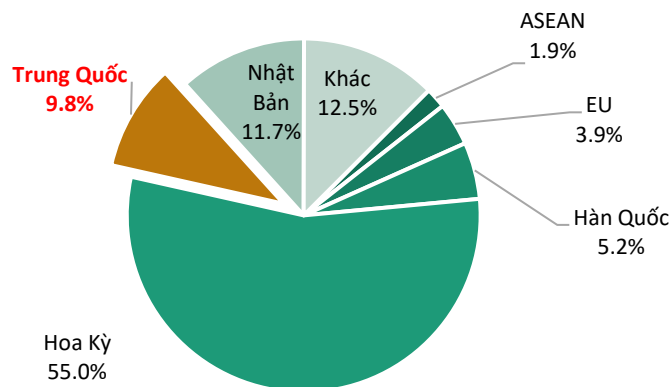
↗ Tăng **1,6%** so với T12/2024

↘ Giảm **18,4%** so với T1/2024

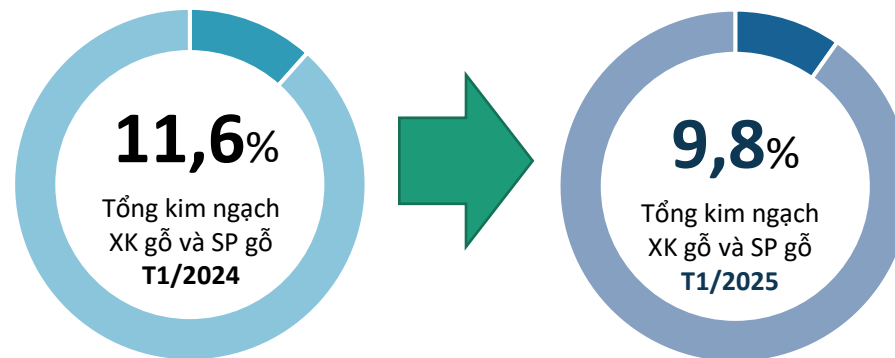
↓ Thấp hơn **29,01 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Giá trị xuất khẩu T1/2025 đạt **139,1** triệu USD, đạt **6,9%** kim ngạch 2024

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



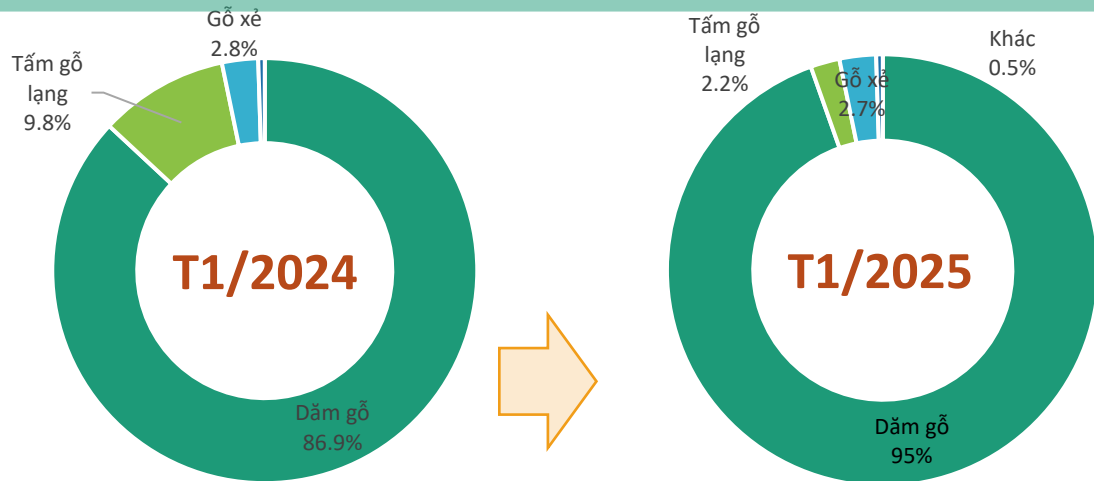
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T1/2025





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Dăm gỗ

Kim ngạch: **130,8** triệu USD
 Tăng **11%** so với T12/2024
 Giảm **9%** so với T1/2024



Gỗ xẻ

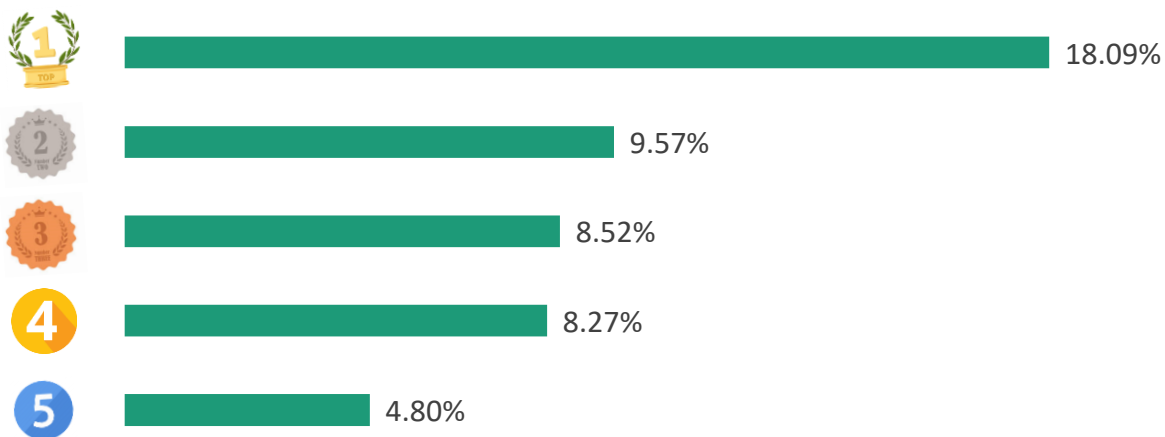
Kim ngạch: **8,1** triệu USD
 Giảm **53%** so với T12/2024
 Giảm **17%** so với T1/2024



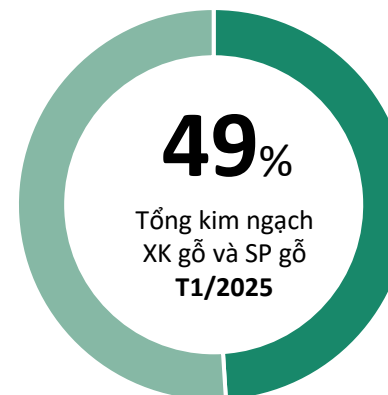
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **5,9** triệu USD
 Giảm **49%** so với T12/2024
 Giảm **81%** so với T1/2024

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T1/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T1/2025





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

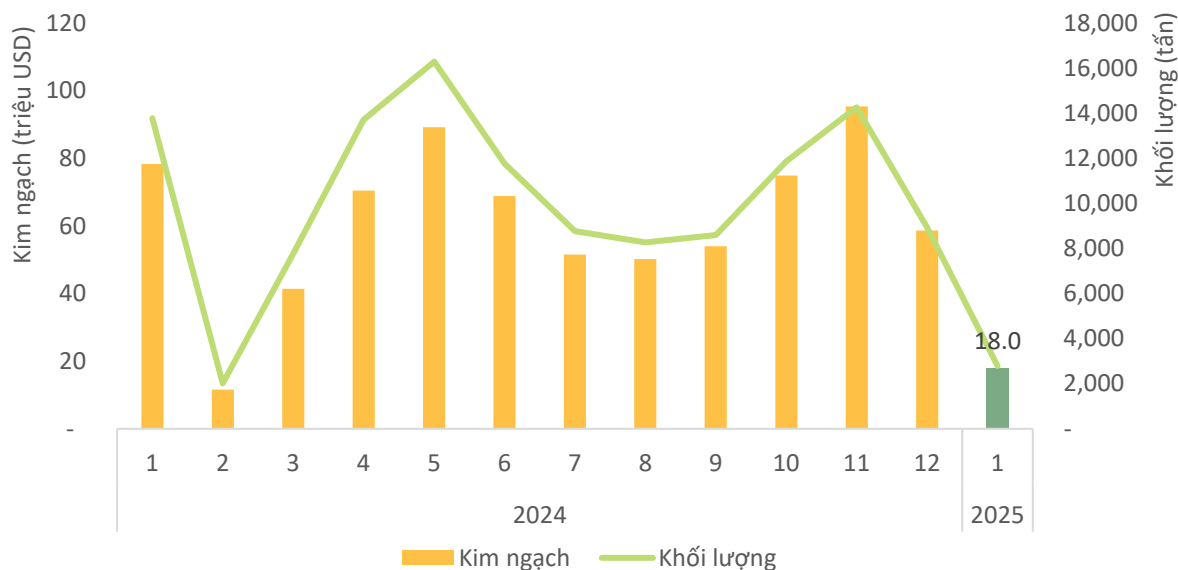
Nhập khẩu gỗ tròn của Trung Quốc trong năm 2024 đạt 36,1 triệu m³, với kim ngạch 6,159 tỷ USD, giảm 5% về khối lượng và 4% về giá trị so với năm trước. Trong đó, nhập khẩu gỗ tròn mềm giảm 7% xuống còn 26,12 triệu m³, chiếm 72% tổng nhập khẩu. Nhập khẩu gỗ tròn cứng tăng 1%, đạt 9,98 triệu m³. Giá trung bình gỗ tròn mềm nhập khẩu giảm 3%, trong khi gỗ tròn cứng tăng 5% so với năm 2023.

New Zealand vẫn là nhà cung cấp gỗ tròn lớn nhất cho Trung Quốc trong năm 2024, chiếm 50% tổng lượng nhập khẩu. Trong năm 2024, nhập khẩu từ New Zealand giảm 1% so với năm 2023. Nhập khẩu từ Mỹ, Nhật Bản, Quần đảo Solomon và Canada đều tăng từ 7% đến 22%, trong khi nhập khẩu từ Đức, Papua New Guinea và Nga giảm mạnh.



ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T01/2025

KIM NGẠCH

18,01 triệu USD

↘ Giảm **69,3%** so với T12/2024

↘ Giảm **77%** so với T01/2024

↓ Thấp hơn **44 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **18 tr.USD**, đạt **2%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

2.789 tấn

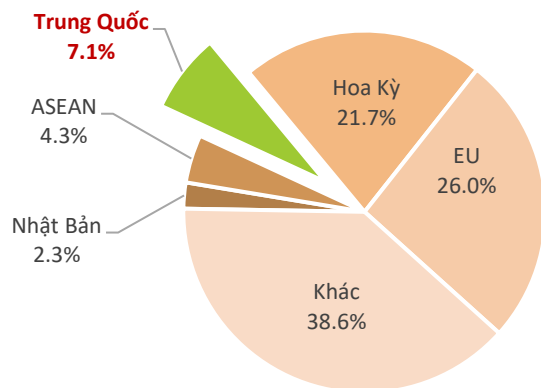
↘ Giảm **68,8%** so với T12/2024

↘ Giảm **80%** so với T01/2024

↓ Thấp hơn **7,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **2,8 nghìn tấn**, đạt **2%** khối lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



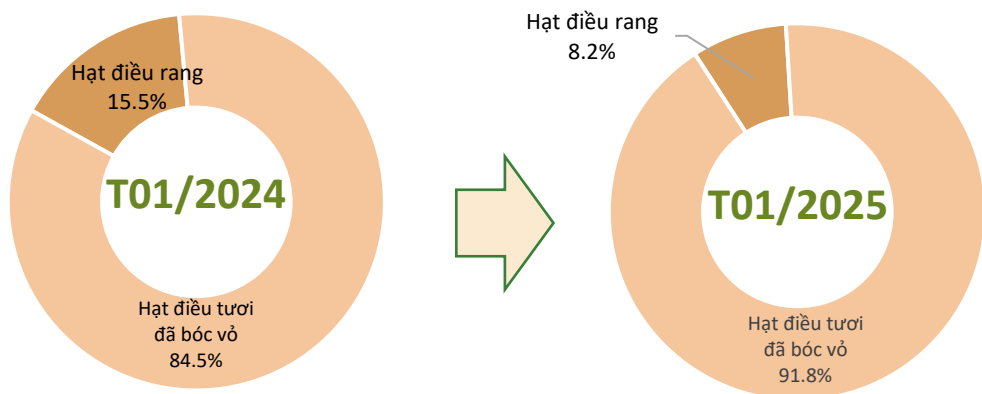
Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



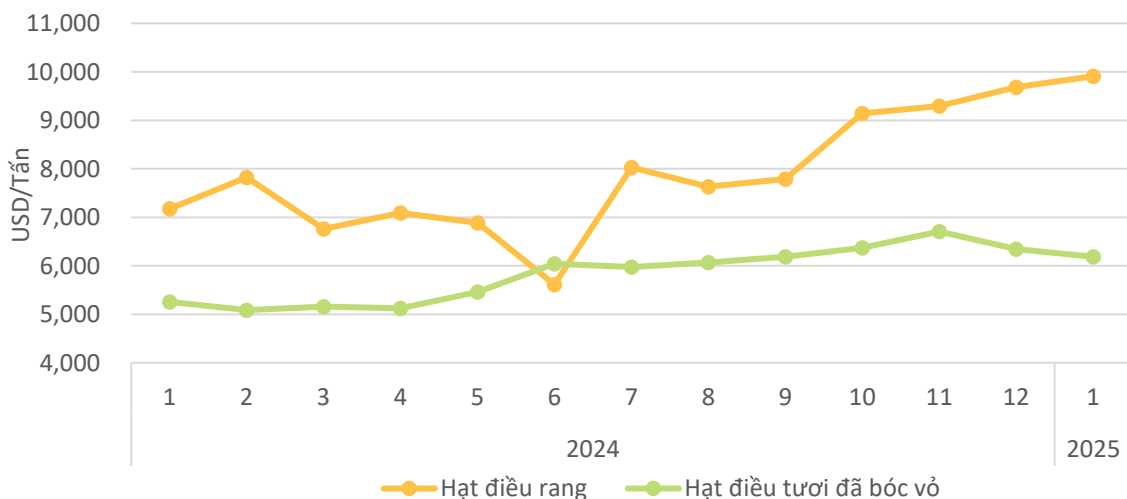


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **16,5** triệu USD

Giảm **69%** so với T12/2024

Giảm **75%** so với T01/2024



Điều rang

Kim ngạch: **1,5** triệu USD

Giảm **72%** so với T12/2024

Giảm **88%** so với T01/2024

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **6.190** USD/tấn; **giảm 2,4%** so với tháng trước; và **tăng 17,8%** so với cùng kỳ năm 2024.

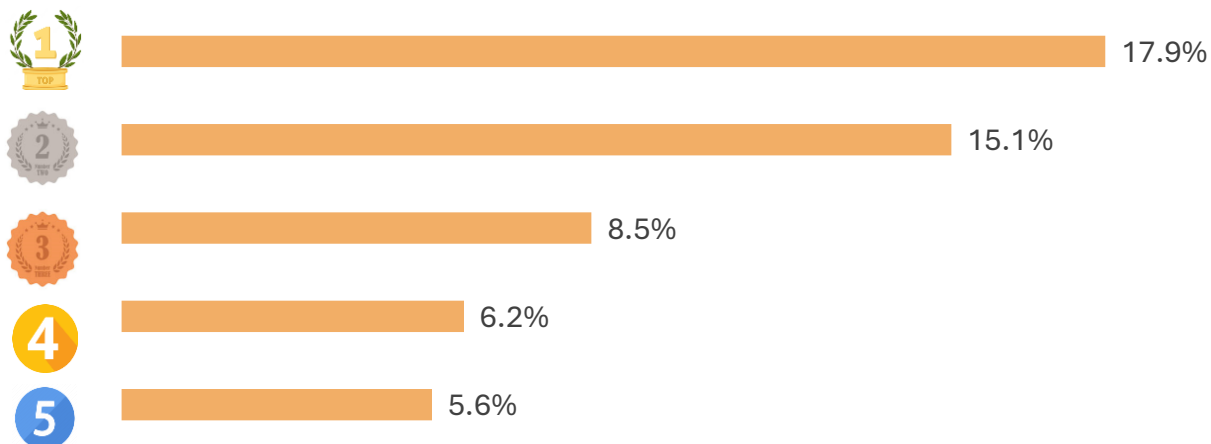
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **9.908** USD/tấn; **tăng 2,4%** so với tháng trước; và **tăng 38,1%** so với cùng kỳ năm 2024.

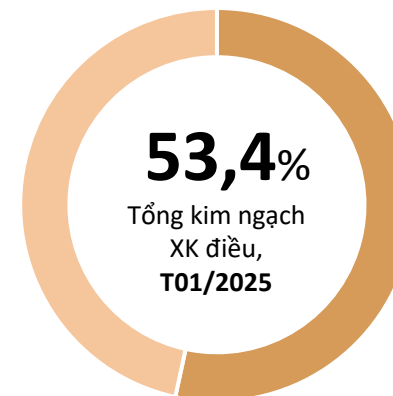


ĐIỀU

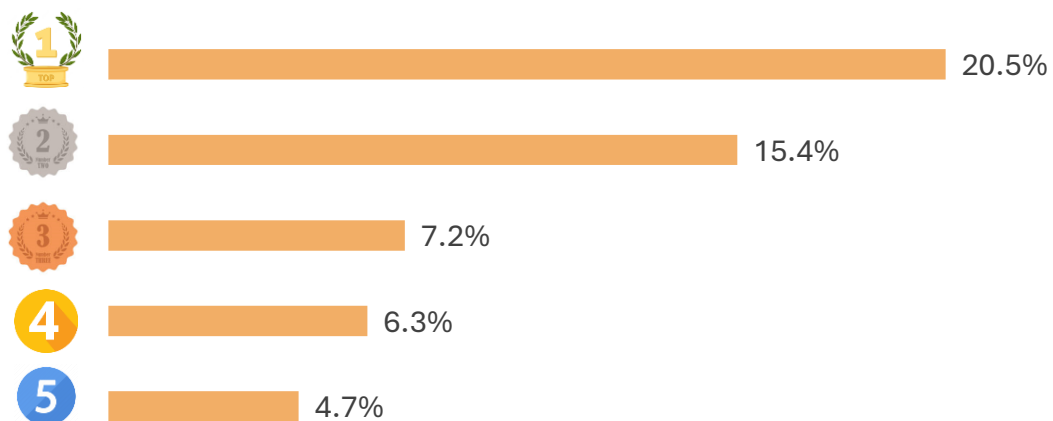
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



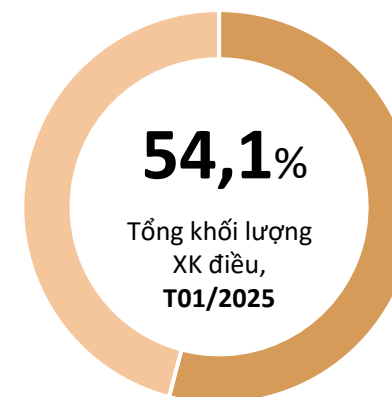
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T01/2025





Campuchia đang kêu gọi thêm nhiều nhà đầu tư Trung Quốc vào các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản và năng lượng mặt trời. Theo Ủy ban Đầu tư Campuchia, ngành chế biến hạt điều là một lĩnh vực đầy tiềm năng và được nhấn mạnh trong cuộc họp với đoàn doanh nghiệp từ tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Năm 2024, Campuchia sản xuất 850.000 tấn hạt điều thô, trong đó 815.000 tấn (95,8%) được xuất khẩu mà không qua chế biến, mang lại doanh thu 1,15 tỷ USD.

Bên cạnh hạt điều, Campuchia cũng khuyến khích đầu tư vào sản xuất đèn năng lượng mặt trời và pin cho phương tiện giao thông. Hiện tại, Trung Quốc vẫn là nhà đầu tư lớn nhất tại Campuchia.

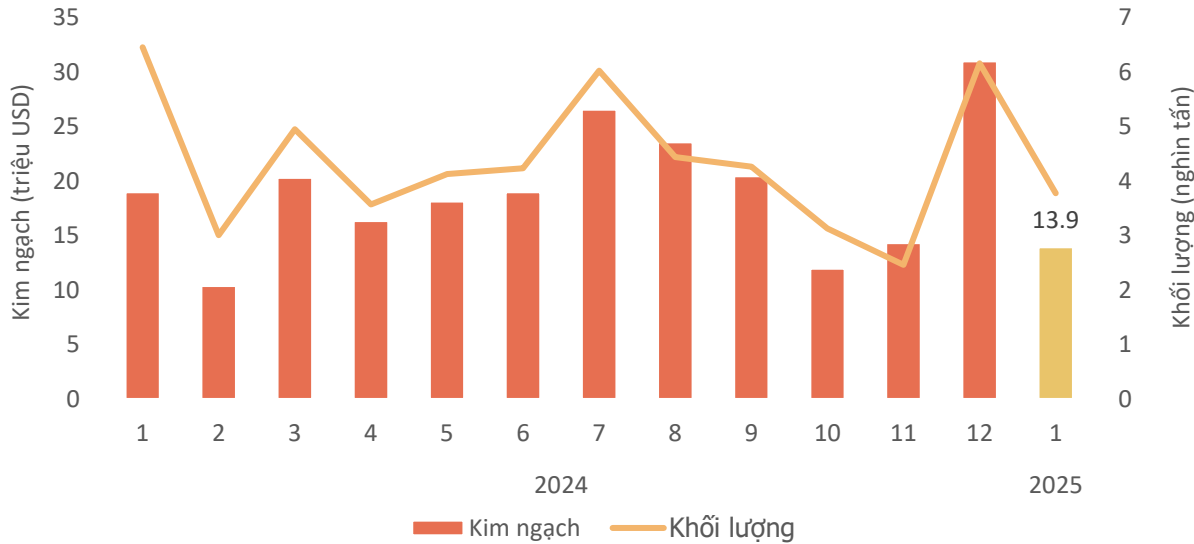
Nguồn: Khmertimeskh.com





CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu cà phê VN sang Trung Quốc, T1/2025

KIM NGẠCH

13,9 triệu USD

↘ Giảm **55,1%** so với T12/2024

↘ Giảm **26,6%** so với T1/2024

↘ Thấp hơn **5,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Giá trị xuất khẩu tháng 1 năm 2025 đạt **13,9** tr.USD, đạt **6%** kim ngạch 2024.

KHỐI LƯỢNG

3,8 nghìn tấn

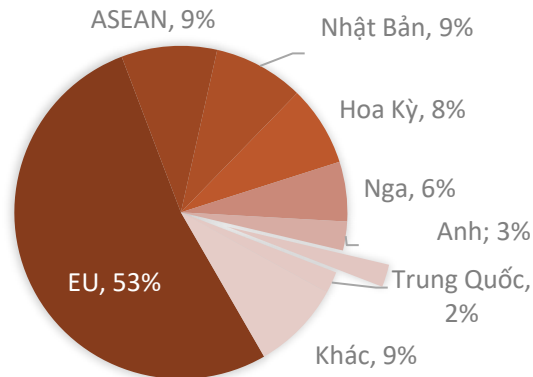
↘ Giảm **38,7%** so với T12/2024

↘ Giảm **41,5%** so với T1/2024

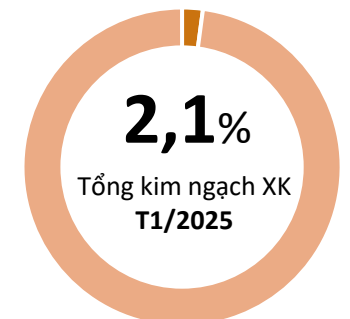
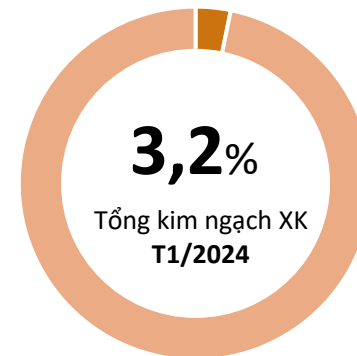
↘ Thấp hơn **0,6 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2024.

❖ Khối lượng xuất khẩu tháng 1 năm 2025 đạt **3,8** nghìn tấn, đạt **7,1%** lượng năm 2024.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang Trung Quốc, T1/2025



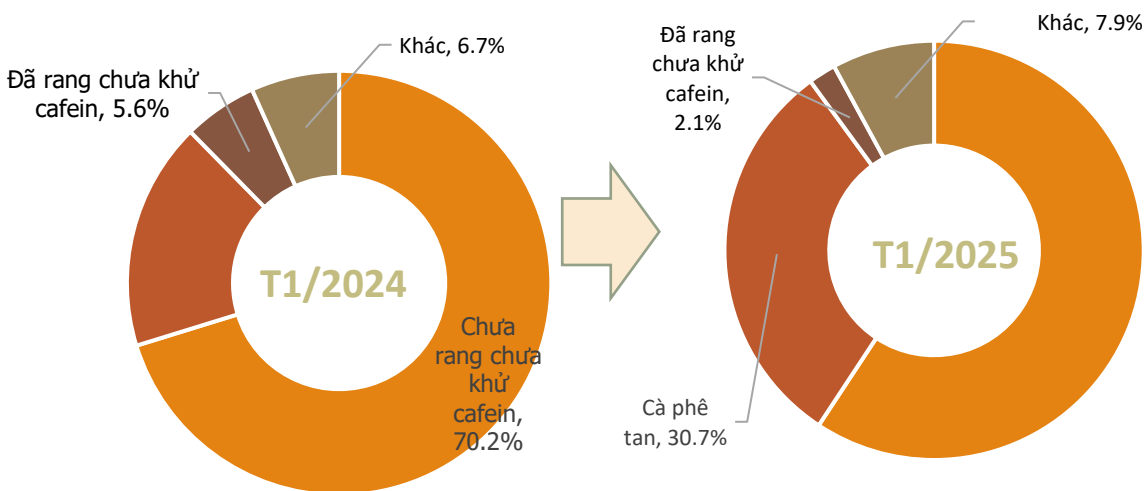
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê VN sang Trung Quốc, T1/2025



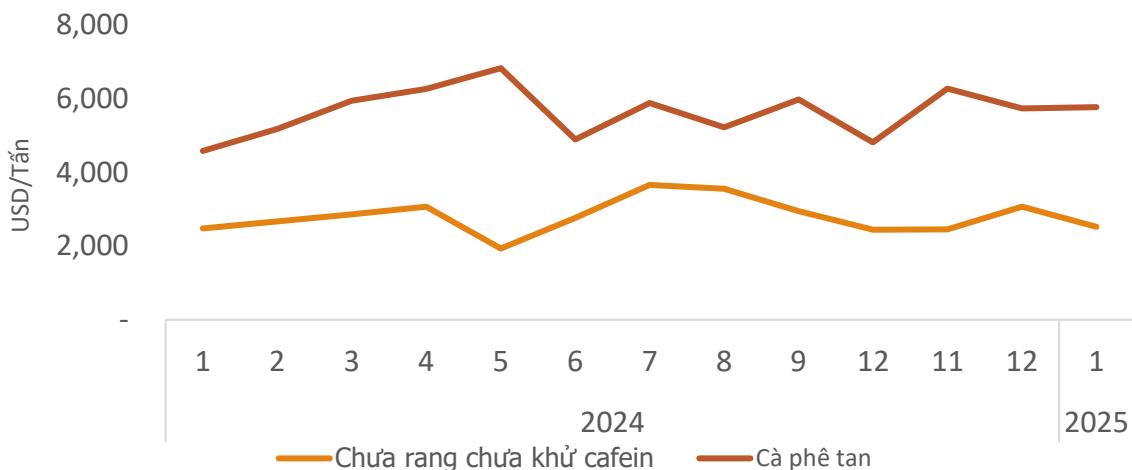


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang Trung Quốc, T1/2025



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang Trung Quốc, T1/2025



Kết quả xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc, T1/2025



Chưa rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **8,5** Triệu USD
 Tăng **39%** so với T12/2024
 Giảm **31,5%** so với T1/2024



Cà phê tan

Kim ngạch: **4,4** Triệu USD
 Giảm **81,6%** so với T12/2024
 Tăng **43%** so với T1/2024



Đã rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **0,3** Triệu USD
 Giảm **43%** so với T12/2024
 Giảm **69,2%** so với T1/2024

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2025 ở mức **5.774** USD/tấn, **tăng 0,6%** so với tháng trước, và **tăng 26%** so với cùng kỳ năm 2024.

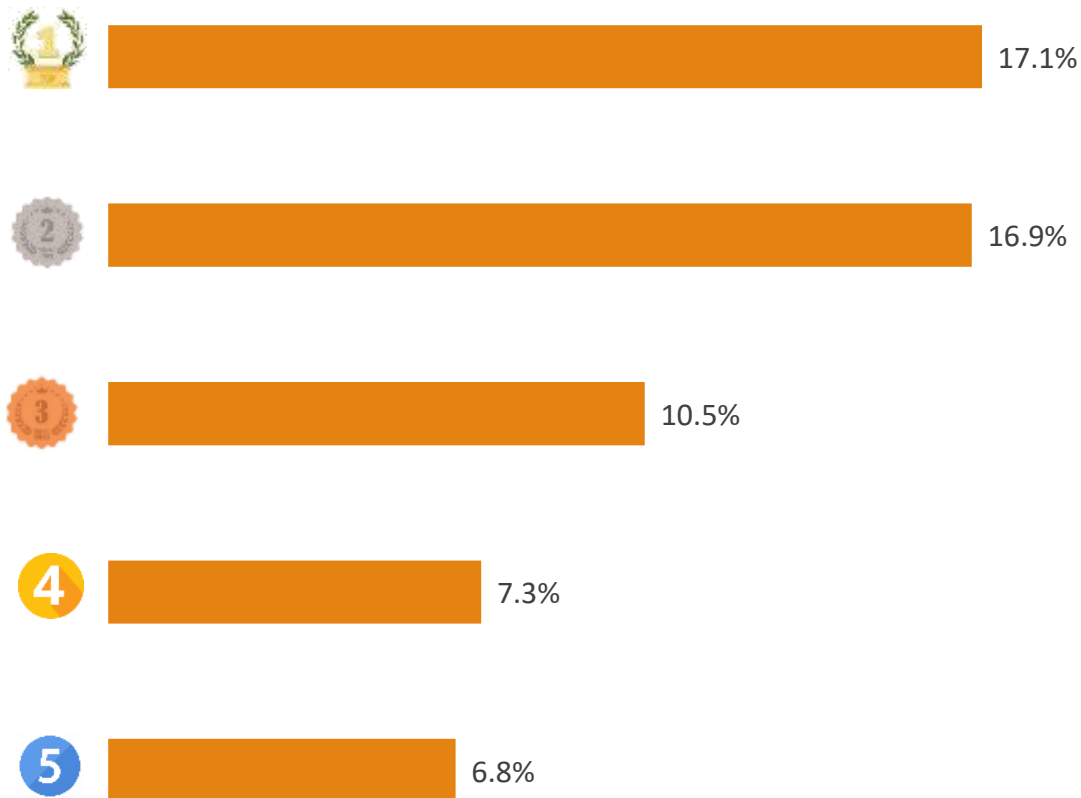
Cà phê chưa rang chưa khử caffein

Giá xuất khẩu bình quân trong T1/2025 ở mức **2.521** USD/tấn, **tăng 25,4%** so với tháng trước; và **tăng 1,7%** so với cùng kỳ năm 2024.

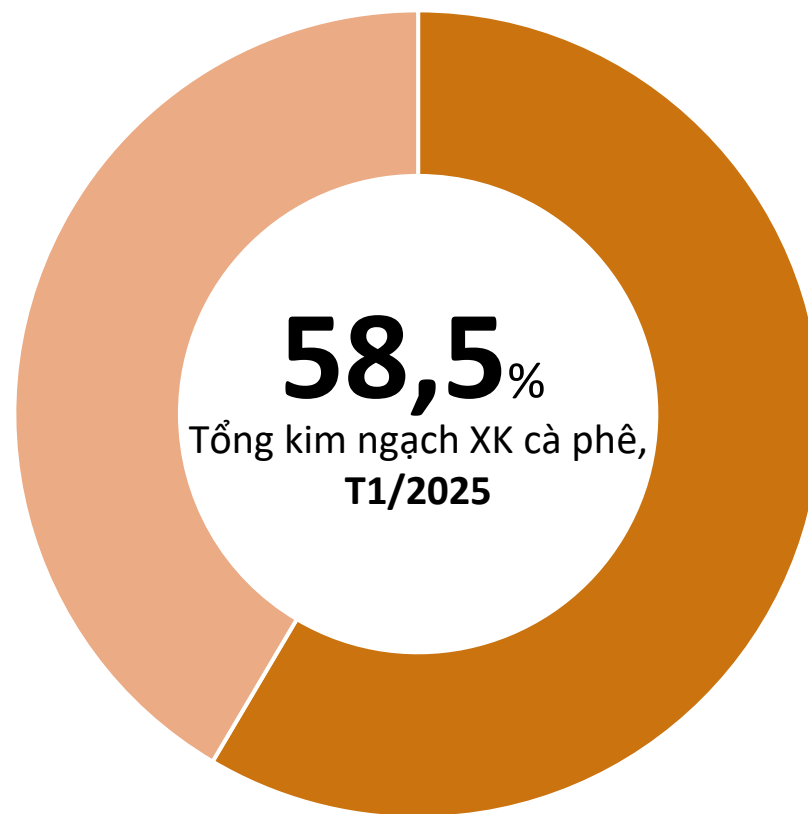


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc, T1/2025



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc, T1/2025





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRUNG QUỐC

Trong giai đoạn 2023-2024, Trung Quốc tiêu thụ khoảng 5,8 triệu bao cà phê loại 60 kg, trong khi sản lượng cà phê nội địa chỉ đạt 1,8 triệu bao. Dự báo, mức tiêu thụ này sẽ tăng lên 6,3 triệu bao trong niên vụ 2024/25.

Trên thị trường, cà phê hòa tan vẫn chiếm ưu thế, nhưng cà phê pha phin đang phát triển mạnh, chiếm hơn 40% tổng thị phần vào năm 2023. Trong thập kỷ qua, các quán cà phê mọc lên nhanh chóng trên khắp Trung Quốc, trong đó Luckin Coffee là thương hiệu có số lượng cửa hàng lớn nhất tính đến năm 2024.

Cà phê ngày càng trở nên phổ biến, đặc biệt là trong giới trẻ, với nhóm tuổi từ 25 đến 44 chiếm tỷ lệ tiêu dùng cao nhất. Hơn một nửa số người uống cà phê tại Trung Quốc duy trì thói quen tiêu thụ ít nhất ba ly mỗi tuần, cho thấy mức độ ưa thích cao với sản phẩm này.

Nguồn: Statista





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRUNG QUỐC



Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, năm 2024, tỉnh Vân Nam xuất khẩu 32.500 tấn cà phê, tăng 358% so với cùng kỳ năm trước. Cà phê của Vân Nam đã được xuất khẩu đến 29 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các quốc gia xuất khẩu chính là Hà Lan, Đức, Hoa Kỳ, và Việt Nam.

Theo Sở Nông nghiệp và Nông thôn tỉnh Vân Nam, trong năm 2023, diện tích trồng cà phê của tỉnh đạt khoảng 80.000 ha, với sản lượng 146.000 tấn hạt cà phê thô. Vân Nam là khu vực sản xuất cà phê lớn nhất Trung Quốc, chiếm 98% tổng sản lượng cả nước.

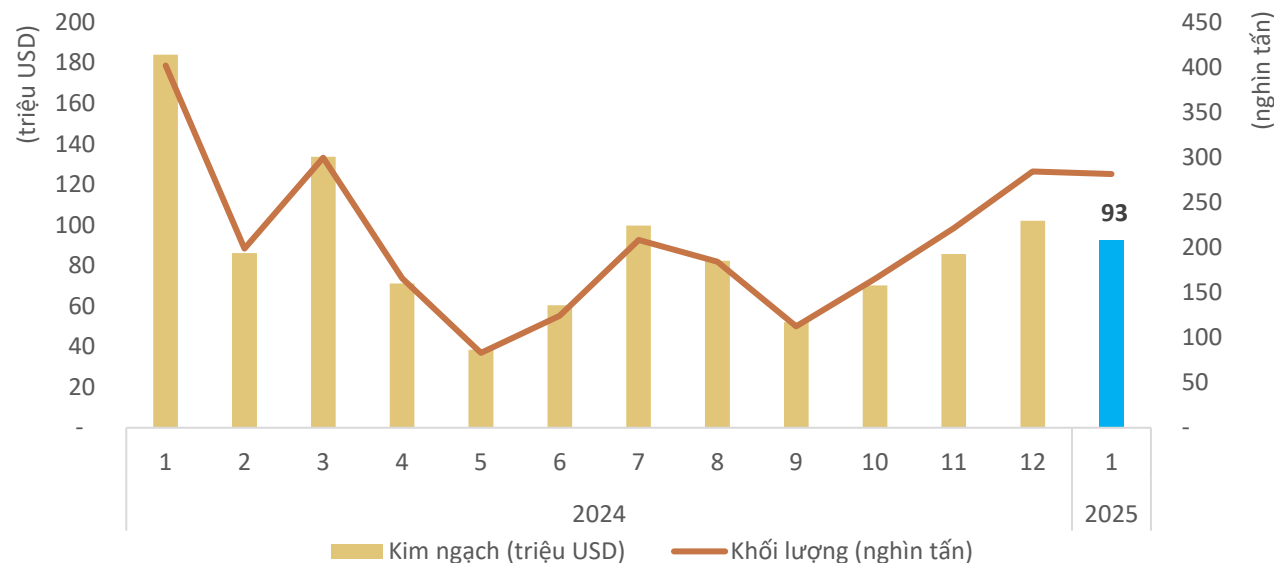
Nguồn: <http://english.scio.gov.cn>





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T01/2025

KIM NGẠCH

92,7 triệu USD

↘ Giảm **9,2%** so với T12/2024

↘ Giảm **49,6%** so với T01/2024

↑ Cao hơn **3,9 triệu USD** so với bình quân năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **92,7 tr.USD**, đạt **8,7%** kim ngạch năm 2024

KHỐI LƯỢNG

281,6 nghìn tấn

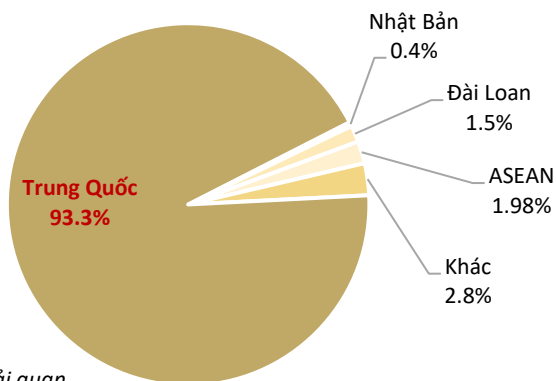
↘ Giảm **0,9%** so với T12/2024

↘ Giảm **29,9%** so với T01/2024

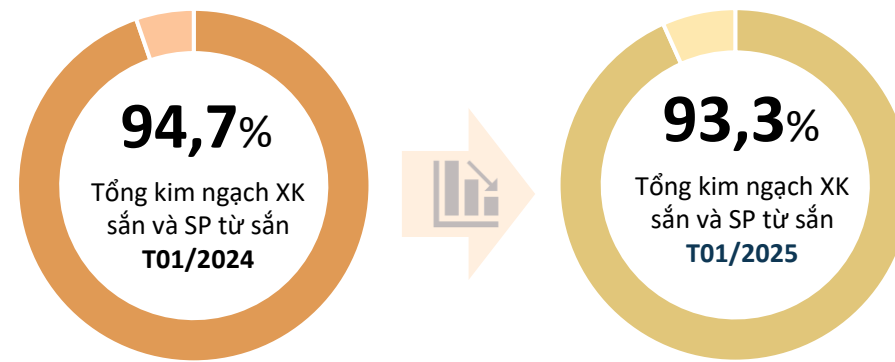
↑ Cao hơn **77,5 nghìn tấn** so với bình quân năm 2024

❖ Tháng 01 năm 2025 đạt **28,2 tr.tấn**, đạt **11,5%** khối lượng năm 2024

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



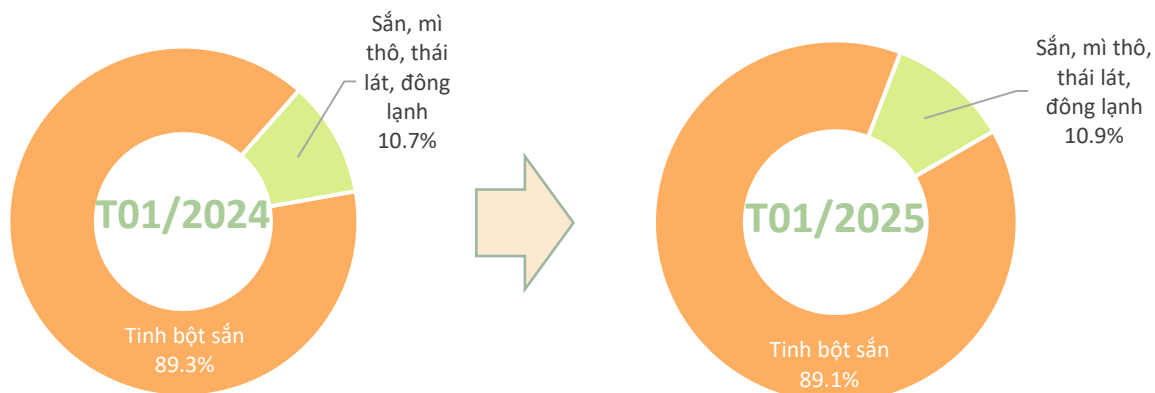
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T01/2025





SẺN VÀ SP TỪ SẺN

Cơ cấu chủng loại sẻn và SP từ sẻn XK sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Kết quả XK sẻn và SP từ sẻn sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Sẻn thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **10,07** triệu USD

Tăng **25,6%** so với T12/2024

Giảm **12,1%** so với T01/2024



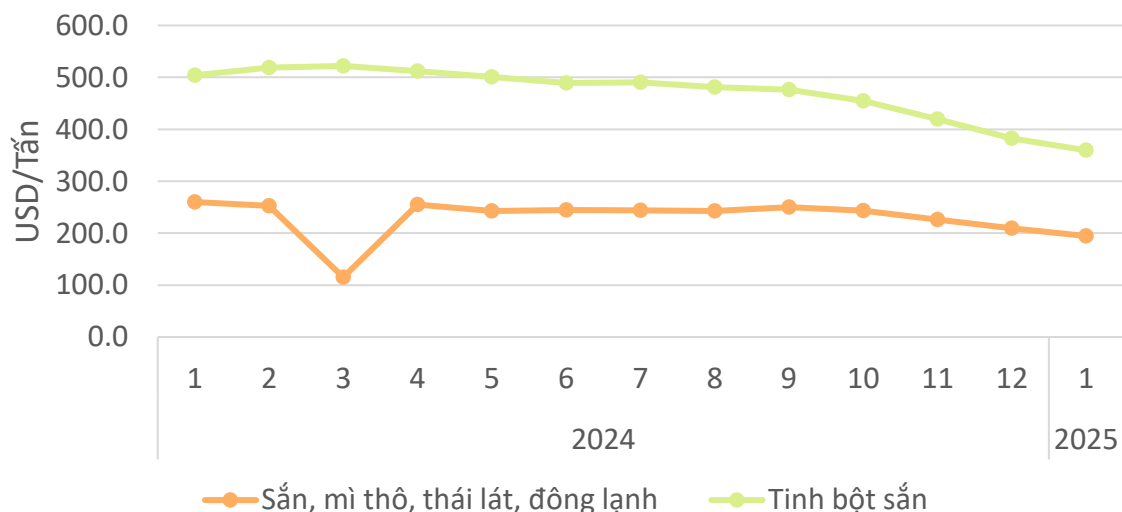
Tinh bột sẻn

Kim ngạch: **82,62** triệu USD

Giảm **49%** so với T12/2024

Giảm **49,7%** so với T01/2024

Giá sẻn và SP từ sẻn XK bình quân sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Tinh bột sẻn

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **359 USD/tấn**; giảm **6%** so với tháng trước; và giảm **29%** so với cùng kỳ năm 2024.

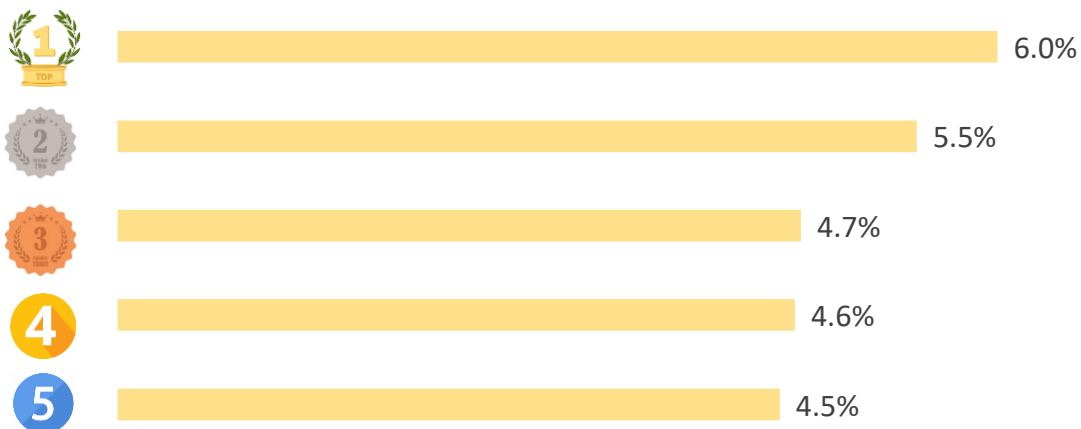
Sẻn thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T01/2025 ở mức **194 USD/tấn**; giảm **7,2%** so với tháng trước; và giảm **25%** so với cùng kỳ năm 2024.

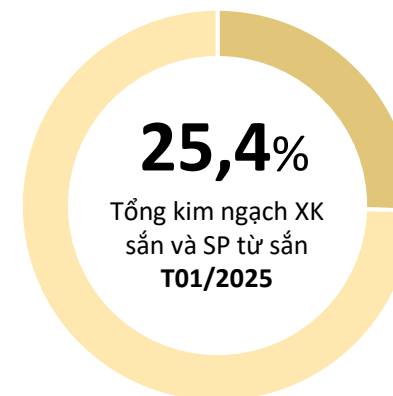


SẮN VÀ SP TỪ SẮN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



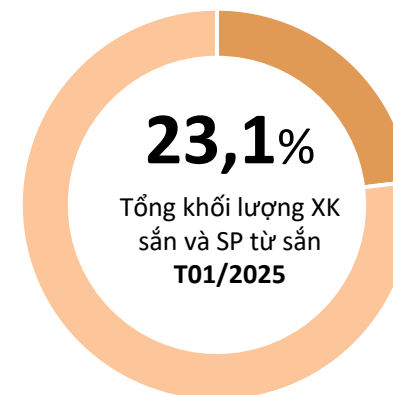
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T01/2025



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T01/2025





Thị trường tinh bột sắn Trung Quốc đang trải qua giai đoạn trì trệ ngắn hạn

Nguồn cung nguyên liệu sắn tại Thái Lan và Việt Nam vẫn dồi dào, với tỷ lệ hoạt động của các nhà máy tinh bột đạt 82%. Sau Tết Nguyên đán, lượng hàng cập cảng Trung Quốc gia tăng, khiến tồn kho tăng mạnh. Tính đến ngày 19/2, tổng lượng tinh bột sắn tồn kho đạt khoảng 193.200 tấn, tăng 87,39% so với tháng trước, tạo áp lực đáng kể lên hệ thống cảng.

Nhu cầu tinh bột sắn tại Trung Quốc đang có dấu hiệu phục hồi, nhưng mức độ vẫn còn thấp. Nguồn cung dồi dào và nhu cầu chưa thực sự tăng trưởng nên tình trạng cung vượt cầu có thể tiếp diễn.

Giá tinh bột sắn được dự báo sẽ tiếp tục biến động yếu trong ngắn hạn. Để đối phó với thách thức này, ngành sắn Trung Quốc cần thực hiện các biện pháp quản lý hàng tồn kho hiệu quả và điều tiết linh hoạt để phục hồi vào nửa cuối năm.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc



Thị trấn Linh Thành, huyện Linh Sơn, tỉnh Quảng Tây phát triển ngành sản thực phẩm

Tại thị trấn Linh Thành, huyện Linh Sơn, tỉnh Quảng Tây, ngành sản thực phẩm đang được phát triển mạnh với sự hỗ trợ từ Viện Khoa học Nông nghiệp Nhiệt đới Trung Quốc. Địa phương này trồng giống sản "Hoàng Kim số 3", áp dụng mô hình "Thương mại điện tử sản phẩm Sản", giúp mở rộng thị trường trên toàn quốc.

Hiện Thị trấn đã hình thành chuỗi sản xuất hoàn chỉnh với 100 ha trồng sản, năng suất 6,25 tấn/ha, mang lại khoảng 1,25 triệu USD/năm cho kinh tế Thị trấn. Trong tương lai, địa phương sẽ tiếp tục ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản và thử nghiệm giống sản mới để thúc đẩy phát triển nông thôn.

Nguồn: Ban Tuyên giáo Huyện ủy Linh Sơn, Quảng Tây Trung Quốc

Thị trấn Đông Thành, thành phố Đam Châu, tỉnh Hải Nam đẩy mạnh phát triển chuỗi sản xuất sản

Thị trấn Đông Thành, thành phố Đam Châu, tỉnh Hải Nam đẩy mạnh phát triển chuỗi sản xuất hoàn chỉnh từ trồng trọt, chế biến, bảo quản đến tiêu thụ. Địa phương hỗ trợ nông dân bằng cung cấp giống, hướng dẫn kỹ thuật và trợ giá thu mua, góp phần thúc đẩy phát triển nông thôn.

Hiện nay, Đông Thành là vùng trồng sản lớn nhất thành phố với diện tích hơn 133,4 ha, chủ yếu là giống "Hoa Nam số 9". Để nâng cao hiệu quả sản xuất, địa phương đã đầu tư hơn 2,06 triệu USD vào cơ sở chế biến hiện đại và phát triển thương hiệu nông sản.

Nguồn: Trang web Phục hưng Nông thôn Hải Nam (Trung Quốc)



Ipsard

AGRO@INFO

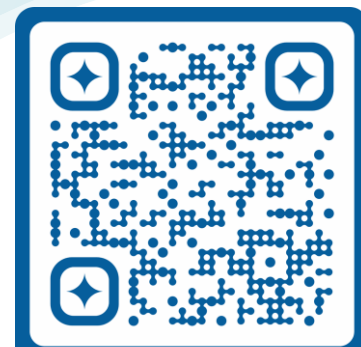
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo